

Số: 279 /BC-UBND

Bình Dương, ngày 13 tháng 11 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình ước thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2019

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	
ĐẾN	Số: 003303
	Ngày: 11/11/2018
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	Thực

Thực hiện Chương trình kỳ họp thứ 8 (kỳ họp cuối năm 2018) - Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX; UBND tỉnh báo cáo tình hình ước thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018, dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2019 như sau:

I. Ước tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018:

Tổng vốn kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2018 kể cả vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương là 7.989 tỷ 534 triệu đồng¹. Ước khối lượng thực hiện đủ điều kiện giải ngân đến 31/12/2018 là 7.268 tỷ 252 triệu đồng, đạt 91% kế hoạch.

1. **Vốn ngân sách Trung ương (thực hiện theo danh mục kế hoạch vốn cụ thể do Trung ương giao):** Ước khối lượng thực hiện đủ điều kiện giải ngân đến 31/12/2018 (ước khối lượng thực hiện) là 1.267 tỷ 673 triệu đồng, đạt 129,5% kế hoạch.

- Các dự án sử dụng vốn nước ngoài (ODA): Ước khối lượng thực hiện là 1.258 tỷ đồng, đạt 135% kế hoạch.

- Dự án sử dụng vốn chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng: Ước khối lượng thực hiện là 9 tỷ 673 triệu đồng, đạt 23,6% kế hoạch².

- Vốn hỗ trợ cho người có công với cách mạng về nhà ở: UBND tỉnh đã giao nguồn vốn này cho UBND các huyện, thị xã, thành phố trong quyết định điều chỉnh đầu tư công năm 2018 vào tháng 7. Tuy nhiên, Trung ương có hướng dẫn mới việc quản lý, cấp phát, thanh toán và quyết toán theo quy định vốn sự nghiệp bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị, thành phố. UBND tỉnh sẽ báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và kiến nghị đưa ra khỏi kế hoạch đầu tư công năm 2018.

2. **Vốn ngân sách địa phương:** Ước khối lượng thực hiện là 6.000 tỷ 579 triệu đồng, đạt 85,6% kế hoạch.

¹ Tăng 510 tỷ 956 triệu đồng so với kế hoạch đầu năm do bổ sung nguồn vốn kết dư đầu tư công năm 2016 và 2017 chưa giải ngân hết

² Đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài đã chi trả đền bù 7 tỷ 674 triệu đồng (đạt trên 50% nhu cầu vốn của chủ đầu tư), còn khoảng 2 tỷ đồng sẽ tiếp tục chi trả đền bù và dự kiến khởi công trong quý IV/2018.



a) Vốn ngân sách cấp tỉnh: Ước khối lượng thực hiện là 4.713 tỷ 897 triệu đồng, đạt 83,4% kế hoạch. Bao gồm:

- Vốn tỉnh tập trung: Ước khối lượng thực hiện là 2.993 tỷ 651 triệu đồng, đạt 85,1% kế hoạch.

- Vốn xổ số kiến thiết: Ước khối lượng thực hiện là 1.150 tỷ 646 triệu đồng, đạt 75,9% kế hoạch.

- Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện: Ước khối lượng thực hiện là 569 tỷ 600 triệu đồng, đạt 91,8% kế hoạch

b) Vốn ngân sách cấp huyện (vốn phân cấp): Tổng vốn ngân sách cấp huyện là 1.356 tỷ 377 triệu đồng, tăng 96 tỷ 377 triệu đồng so với kế hoạch đầu năm³. Ước khối lượng thực hiện là 1.286 tỷ 682 triệu đồng, đạt 94,9% kế hoạch

(Chi tiết theo Phụ lục I-A, II-A đính kèm)

3. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công của các chủ đầu tư:

a) **UBND các huyện, thị xã, Thành phố Thủ Dầu Một:** Tổng các nguồn vốn ngân sách tỉnh bố trí (vốn tỉnh tập trung, vốn xổ số kiến thiết, vốn tỉnh hỗ trợ) và vốn phân cấp cho cấp huyện là 3.193 tỷ 350 triệu đồng, chiếm 46% vốn ngân sách địa phương. Ước khối lượng thực hiện là 3.036 tỷ 619 triệu đồng, đạt 95,1% kế hoạch.

b) **Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh:** Tổng vốn kế hoạch là 3.788 tỷ 457 triệu đồng, chiếm 54% tổng vốn ngân sách địa phương. Ước khối lượng thực hiện là 2.945 tỷ 982 triệu đồng, đạt 77,8% kế hoạch. Trong đó:

- Các chủ đầu tư có kế hoạch vốn trên 200 tỷ đồng: tổng vốn kế hoạch là 3.417 tỷ 468 triệu đồng, chiếm 49% tổng vốn ngân sách địa phương. Ước khối lượng thực hiện là 2.579 tỷ 446 triệu đồng, đạt 75,5% kế hoạch.

- Các chủ đầu tư có kế hoạch vốn từ 50 đến 200 tỷ đồng: Tổng vốn kế hoạch là 266 tỷ 849 triệu đồng, chiếm 3,8% tổng vốn ngân sách địa phương. Ước khối lượng thực hiện là 261 tỷ 027 triệu đồng, đạt 97,8% kế hoạch.

- Các chủ đầu tư có kế hoạch vốn từ 10 đến 50 tỷ đồng: Tổng vốn kế hoạch là 104 tỷ 140 triệu đồng, chiếm 1,5% tổng vốn ngân sách địa phương. Ước khối lượng thực hiện là 105 tỷ 509 triệu đồng, đạt 101,3% kế hoạch.

- Các chủ đầu tư còn lại: Tổng vốn kế hoạch là 27 tỷ 653 triệu đồng, chiếm 0,4% tổng vốn ngân sách địa phương. Ước khối lượng thực hiện là 17 tỷ 978 triệu đồng, đạt 65% kế hoạch.

(Phụ lục III-A đính kèm)

4. Tình hình thực hiện các công trình trọng điểm: Kế hoạch bố trí cho 45 dự án với tổng vốn bố trí là 3.319 tỷ 987 triệu đồng. Ước khối lượng thực hiện là 2.379 tỷ 452 triệu đồng, đạt 71,7% kế hoạch⁴.

³ Chủ yếu do Thị xã Dĩ An bổ sung nguồn kết dư từ các năm trước chưa giải ngân hết là 93 tỷ 804 triệu đồng

(Phụ lục IV-A đính kèm)

5. Tình hình thực hiện các dự án đền bù, giải phóng mặt bằng: Kế hoạch bố trí 10 dự án đền bù, giải phóng mặt bằng với tổng vốn bố trí là 889 tỷ 765 triệu đồng. Ước khối lượng thực hiện là 550 tỷ 359 triệu đồng, đạt 61,9% kế hoạch.

(Phụ lục V-A đính kèm)

6. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Ước khối lượng thực hiện đủ điều kiện giải ngân toàn tỉnh năm 2018 dự kiến đạt 91% kế hoạch đề ra cao hơn thực hiện năm 2017 (88%). Tuy nhiên, ước khối lượng thực hiện đủ điều kiện giải ngân phần ngân sách địa phương năm 2018 đạt 85,6% thấp hơn thực hiện năm 2017 (86,5%). Tình hình thực hiện và giải ngân các công trình trọng điểm và các dự án đền bù, giải phóng mặt bằng chậm.

Một số nguyên nhân chủ yếu:

- Nhiều dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu, tạm ứng hợp đồng trong quý IV/2017. Do đó, khối lượng thực hiện trong những tháng đầu năm 2018 đã hoàn ứng cho tạm ứng khối lượng trong kế hoạch năm 2017 nên chưa có giá trị giải ngân nhiều trong năm 2018.

- Các dự án chuẩn bị đầu tư đang triển khai công tác lập và trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật; một số dự án đền bù đang trình phê duyệt phương án bồi thường; một số dự án thực hiện đang trong quá trình phê duyệt thiết kế - dự toán hoặc trong giai đoạn lựa chọn nhà thầu thi công nên chưa có khối lượng giải ngân.

- Các dự án giải tỏa, đền bù giải ngân chậm do người dân không đồng thuận với đơn giá dẫn đến khiếu nại kéo dài và trình tự thủ tục đền bù phải trải qua nhiều bước phức tạp. Bên cạnh đó, một số dự án đền bù chủ đầu tư không trực tiếp thực hiện mà do UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai nên công tác phối hợp còn hạn chế và chưa kịp thời.

- Một số nhà thầu thi công, chủ đầu tư chậm làm thủ tục tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán, còn tình trạng để dồn khối lượng thanh toán vào cuối năm. Chưa chủ động phối hợp chặt chẽ với Kho bạc nhà nước để xử lý các vướng mắc, phát sinh, rút ngắn thời gian kiểm soát chi.

- Một số chủ đầu tư thiếu trách nhiệm và năng lực khi kiểm tra, xem xét hồ sơ trình cơ quan thẩm định dẫn đến nội dung báo cáo chủ trương đầu tư, dự

⁴ Có 11 công trình chưa giải ngân và một số công trình bố trí vốn lớn nhưng tình hình thực hiện và giải ngân chậm, dự kiến cuối năm đạt dưới 60% kế hoạch: Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng); Giải phóng mặt bằng công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần); Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc; Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II; Bệnh viện 1.500 giường; Các trục giao thông chính thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của Nhà nước; Dự án Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tương niệm chiến khu D.

án, thiết kế kỹ thuật - dự toán của một số dự án còn sai sót, phải chỉnh sửa nhiều lần. Bên cạnh đó, một số văn bản hướng dẫn của Trung ương về cách tính định mức, chi phí tư vấn và chi phí kiểm toán, thẩm tra phê duyệt quyết toán thay đổi dẫn đến chủ đầu tư phải điều chỉnh dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu làm kéo dài thời gian.

- Phối hợp giữa Chủ đầu tư với các Sở, ngành trong công tác báo cáo chưa kịp thời, các đơn vị chủ yếu giao cho các bộ phận kỹ thuật lập báo cáo qua hệ thống bảng biểu, chưa phân tích, đánh giá chung được tình hình thực hiện cũng như các nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến việc chậm tiến độ thực hiện dự án.

7. Một số nhiệm vụ cần tập trung thực hiện những tháng cuối năm 2018:

- Chủ đầu tư tập trung đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư, đảm bảo chất lượng của hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế bản vẽ thi công – dự toán để trình thẩm định, phê duyệt.

- Các chủ đầu tư và đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, thanh toán để kịp thời giải ngân kế hoạch vốn.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng phê duyệt phương án bồi thường đối với các dự án đền bù, tăng cường trách nhiệm và sự phối hợp giữa các ngành, các cấp và các chủ đầu tư, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị để tạo sự đồng thuận của người dân trong phạm vi giải tỏa.

- Các sở chuyên ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung thực hiện tốt công tác thẩm định, quyết định đầu tư, rút ngắn thời gian thanh toán và giải ngân các dự án.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các chủ đầu tư rà soát tiến độ thực hiện các dự án, tham mưu UBND tỉnh điều chuyển vốn phù hợp với tình hình triển khai thực hiện và khả năng giải ngân kế hoạch.

- Phân bổ kế hoạch đầu tư công 2019 cho các chủ đầu tư để sớm triển khai thực hiện ngay từ đầu năm.

- Chấn chỉnh công tác báo cáo về đầu tư công, đảm bảo nghiêm túc về thời gian và chính xác về số liệu, nâng cao trách nhiệm của các chủ đầu tư trong suốt quá trình chuẩn bị, thực hiện, quản lý dự án. Thực hiện nghiêm quy chế thưởng phạt trong đầu tư xây dựng công trình.

II. Kế hoạch đầu tư công năm 2019:

1. Nguồn vốn:

Căn cứ văn bản số 7446/BKHĐT-TH ngày 19/10/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư vốn Ngân sách nhà nước năm 2019 và khả năng cân đối tài chính của tỉnh. UBND tỉnh xây dựng nguồn vốn đầu tư công năm 2019 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	KH ĐTC trung hạn 2016 - 2020	Tổng KH 2016 -2018 đã bố trí	KH 2019	
				Bộ KHĐT giao	UBND tỉnh dự kiến
A	Vốn đầu tư cân đối NS tỉnh	27.760.000	18.000.000	9.362.112	7.500.000
1	Cân đối theo tiêu chí	20.255.894	13.016.440	4.713.912	4.713.912
2	Nguồn thu sử dụng đất	2.504.106	1.483.560	2.050.000	1.381.088
3	Nguồn thu Xổ số kiến thiết	5.000.000	3.500.000	1.405.000	1.405.000
4	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	0	0	1.193.200	0
B	Vốn ngân sách trung ương	3.150.861	3.066.984	677.970	677.970
1	Vốn trong nước	150.029	46.984	34.890	34.890
	Vốn đầu tư CTMT phát triển vùng	148.229	41.000	34.890	34.890
	Hỗ trợ nhà ở cho người có công	1.800	5.984	0	0
2	Vốn nước ngoài	3.000.832	3.020.000	643.080	643.080
	Tổng (A+B)	30.910.861	21.066.984	8.846.882	8.177.970

a) Về vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh:

Theo Văn bản số 7446/BKHĐT-TH ngày 19/10/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh là 9.362 tỷ 112 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn cân đối theo tiêu chí: 4.713 tỷ 912 triệu đồng.
- Vốn từ nguồn thu sử dụng đất: 2.050 tỷ đồng.
- Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.405 tỷ đồng.
- Vốn từ nguồn bội chi NS địa phương: 1.193 tỷ 200 triệu đồng.

Qua rà soát nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách năm 2018, UBND tỉnh xây dựng nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh là 7.500 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn cân đối theo tiêu chí: 4.713 tỷ 912 triệu đồng.
- Vốn từ nguồn thu sử dụng đất: 1.381 tỷ 088 triệu đồng⁵.
- Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.405 tỷ đồng.

- Vốn từ bội chi ngân sách địa phương: Thực hiện theo kế hoạch của Trung ương giao vì theo Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công thì thẩm quyền quyết định bội chi ngân sách (bao gồm trung ương và địa phương) do Quốc hội quyết định⁶.

b) Về vốn Ngân sách Trung ương: Thực hiện theo danh mục kế hoạch vốn cụ thể do Trung ương giao với tổng vốn là 677 tỷ 970 triệu đồng⁷ (Nếu số liệu chính thức có thay đổi, UBND tỉnh sẽ cập nhật và báo cáo HĐND tỉnh).

2. Nguyên tắc bố trí vốn:

a) Kế hoạch đầu tư công năm 2019 phải phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước sửa đổi năm 2015, Nghị quyết số

⁵ Phần còn lại nguồn thu từ sử dụng đất trích lập các quỹ và cân đối các khoản chi ngân sách theo quy định.

⁶ Dự kiến nguồn bội chi này được phân bổ cho dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An (tổng mức đầu tư 2.500 tỷ, đã bố trí trong kế hoạch trung hạn vốn NS tỉnh là 498 tỷ 957 triệu đồng)

⁷ Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu là 34 tỷ 890 triệu đồng; vốn nước ngoài là 643 tỷ 080 triệu đồng.

10/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; Chương trình 23-CTr/TU ngày 16/8/2016 về huy động và phát huy các nguồn lực từ các thành phần kinh tế để tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2016-2020.

b) Phân bổ dự án phù hợp với tiến độ thực hiện, khả năng giải ngân trong năm 2019 và thứ tự ưu tiên:

- Ưu tiên bố trí vốn để thu hồi các khoản vốn ứng trước; các dự án đã hoàn thành thủ tục quyết toán đảm bảo theo thời gian quy định.

- Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2019; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.

- Các dự án trọng điểm, đền bù, giải phóng mặt bằng.

- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt.

- Dự án khởi công mới có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

- Các dự án cần triển khai công tác chuẩn bị đầu tư trong năm 2019 phục vụ cho việc triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn tiếp theo.

3. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 cho từng ngành, lĩnh vực:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Số dự án	KH ĐTC năm 2019	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (A+B)	328	8.177.970	
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3	677.970	Trung ương bố trí
I	Vốn nước ngoài (ODA)	2	643.080	
II	Vốn trong nước	1	34.890	
	<i>Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu</i>	<i>1</i>	<i>34.890</i>	
B	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II)	325	7.500.000	
I	VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (1+2+3)	325	6.170.000	
1	Vốn ngân sách tỉnh tập trung (1.1+1.2)	168	4.208.000	
1.1	Chuẩn bị đầu tư (a+b+c)	71	68.315	Phụ lục số III-B
a	Hạ tầng kinh tế	36	50.015	
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	10	5.300	
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	25	13.000	
1.2	Thực hiện dự án (a+b+c)	97	4.139.685	Phụ lục số IV-B
a	Hạ tầng kinh tế	43	2.756.485	
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	38	991.200	
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	16	392.000	
2	Vốn xổ số kiến thiết (a+b)	95	1.405.000	Phụ lục số V-B
a	Cấp tỉnh làm chủ đầu tư	5	433.310	
b	Cấp huyện làm chủ đầu tư	90	971.690	
3	Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện	62	557.000	Phụ lục số VI-B
II	VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN		1.330.000	Cấp huyện bố trí

Kế hoạch đầu tư công năm 2019 có bố trí 33 dự án với tổng vốn bố trí 12 tỷ 645 triệu đồng thuộc vốn chuẩn bị đầu tư chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020. Các dự án này là những dự án quan trọng, cấp bách và cần thiết cần bố trí kinh phí để lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi. Trong năm 2019, khi thủ tục chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh, UBND tỉnh sẽ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí từ nguồn vốn dự phòng hoặc các nguồn vốn phù hợp khác theo quy định tại khoản 2, điều 1, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Phụ lục VII-B)

4. Kế hoạch đầu tư công vốn cân đối ngân sách địa phương năm 2019 theo từng chủ đầu tư:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	325	7.500.000	
A	09 Huyện, Thị xã, TP.Thủ Dầu Một	179	3.169.765	
1	UBND Tp. Thủ Dầu Một	35	591.239	Bao gồm: - Vốn tỉnh tập trung (huyện làm CĐT) - Vốn phân cấp - Vốn tinh hỗ trợ - Vốn XSKT
2	UBND thị xã Thuận An	19	504.023	
3	UBND thị xã Dĩ An	20	598.568	
4	UBND thị xã Tân Uyên	25	349.688	
5	UBND huyện Bắc Tân Uyên	15	281.402	
6	UBND thị xã Bến Cát	17	221.196	
7	UBND huyện Bàu Bàng	17	222.387	
8	UBND huyện Phú Giáo	18	211.534	
9	UBND huyện Dầu Tiếng	13	189.728	
B	Chủ đầu tư là các Sở, Ban, ngành tỉnh	146	4.330.235	
I	Chủ đầu tư có Kế hoạch vốn trên 200 tỷ đồng	101	4.060.015	
1	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	58	2.792.820	
2	Công an tỉnh	31	236.400	
3	Sở Nông nghiệp và PTNT	5	236.650	
4	Công ty CP nước - Môi trường Bình Dương	7	794.145	
II	Chủ đầu tư có Kế hoạch vốn từ 50 đến 200 tỷ đồng	8	163.550	
5	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	5	109.100	
6	Đài Phát thanh truyền hình	3	54.450	
III	04 chủ đầu tư có kế hoạch vốn từ 10 đến 50 tỷ đồng	16	85.418	
IV	12 chủ đầu tư có kế hoạch vốn dưới 10 tỷ đồng	21	21.252	

5. Kế hoạch đầu tư công năm 2019 các công trình trọng điểm:

Kế hoạch đầu tư công năm 2019 bố trí cho 37 danh mục dự án, công trình trọng điểm với tổng vốn bố trí là 2.961 tỷ 649 triệu đồng, chiếm 39,5% vốn ngân sách địa phương (Riêng danh mục 81 công trình trường học mầm non, phổ thông các cấp bố trí 02 nguồn vốn xổ số kiến thiết và vốn tinh hỗ trợ cho ngân sách cấp huyện)

(Phụ lục VIII-B đính kèm)

6. Kế hoạch đầu tư công năm 2019 các dự án đền bù:

Kế hoạch đầu tư công năm 2019 bố trí cho 14 danh mục dự án đền bù với tổng vốn bố trí là 871.428 triệu đồng, chiếm 11,6% vốn ngân sách địa phương. Trong đó có 06 dự án chuẩn bị đầu tư với tổng vốn bố trí là 4.410 triệu đồng và 8 dự án thực hiện với tổng vốn bố trí là 867.018 triệu đồng.

(Phụ lục IX-B đính kèm)

III. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch trong năm 2019:

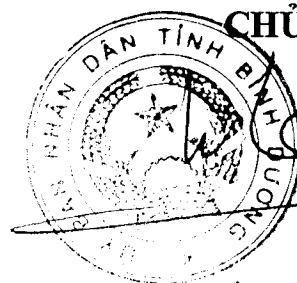
- Chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương (Vốn ODA, chương trình mục tiêu) đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân phù hợp với nguồn vốn Trung ương giao. Trường hợp dự kiến giải ngân vượt kế hoạch hoặc có nhu cầu điều chuyển nội bộ giữa các dự án, khẩn trương báo cáo UBND tỉnh để có văn bản kiến nghị Trung ương điều chỉnh.
- Tập trung thực hiện và giải ngân vốn các công trình quan trọng, trọng điểm, các dự án đền bù, giải phóng mặt bằng của tỉnh, các công trình có khả năng hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm.
- Chủ đầu tư đơn đốc nhà thầu tập trung hoàn thiện các thủ tục nghiệm thu, thanh toán vốn, không để dồn khối lượng vào cuối năm đặc biệt là các công trình có khối lượng đền bù, giải tỏa lớn; thực hiện các thủ tục hoàn trả tạm ứng theo quy định. Trong quá trình thực hiện kịp thời báo cáo UBND tỉnh, các Sở, ngành và các cơ quan có liên quan để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để kịp thời tháo gỡ.
- Các Sở chuyên ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố được phân cấp, ủy quyền thẩm định, quyết định đầu tư cần tập trung đẩy nhanh công tác thẩm định, quyết định đầu tư.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Sở chuyên ngành và chủ đầu tư thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện và giải ngân dự án, tham mưu UBND tỉnh điều chuyển nội bộ các dự án cùng chủ đầu tư và điều chỉnh tổng thể kế hoạch đầu tư công năm 2019 phù hợp với tình hình triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực thi pháp luật về đầu tư công. Xử lý nghiêm đối với các tập thể, cá nhân thực hiện không đúng quy định gây thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước.

UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tình hình ước thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2019./.

Nơi nhận:

- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- CT và các PCT;
- Các sở ngành: KHĐT, TC, KBNN tỉnh;
- LĐVP, Thg, KGVX, KTN, NC, TH;
- Lưu: VT *Thu*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Thanh Liêm



Phụ lục I-A

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 10 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018

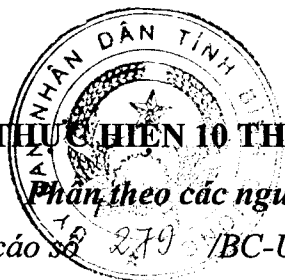
(Kèm theo Báo cáo số 279/BC-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2018 (2081/QĐ-UBND)	Thực hiện từ đầu năm đến 31/10/2018		CĐT Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 31/12	Tỷ lệ % so với KH		
				Khối lượng thực hiện (CĐT)	Giá trị giải ngân (KBNN)		KLTH 31/10	GTGN 31/10	KLTH 31/12
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (5)/(4)	(9)= (6)/(4)	(10)= (7)/(4)
	TỔNG CỘNG (A+B)	336	7.989.534	3.432.607	3.627.429	7.268.252	43,0%	45,4%	91,0%
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3	978.578	677.192	599.552	1.267.673	69,2%	61,3%	129,5%
I	VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)	2	931.594	669.518	591.878	1.258.000	71,9%	63,5%	135,0%
II	VỐN TRONG NƯỚC	1	46.984	7.674	7.674	9.673	16,3%	16,3%	20,6%
1	Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	0	5.984	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%
2	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu	1	41.000	7.674	7.674	9.673	18,7%	18,7%	23,6%
B	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II)	333	7.010.956	2.867.461	3.027.877	6.000.579	40,9%	43,2%	85,6%
I	VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (1+2+3)	333	5.654.579	2.284.631	2.234.343	4.713.897	40,4%	39,5%	83,4%
1	Vốn ngân sách tỉnh tập trung (1.1+1.2)	198	3.516.483	1.630.358	1.413.248	2.993.651	46,4%	40,2%	85,1%
1.1	Chuẩn bị đầu tư (a+b+c)	59	24.632	5.854	3.879	18.685	23,8%	15,7%	75,9%
a	Hạ tầng kinh tế	25	10.239	3.336	2.254	10.107	32,6%	22,0%	98,7%
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	13	10.143	1.233	1.108	4.828	12,2%	10,9%	47,6%
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	21	4.250	1.285	517	3.750	30,2%	12,2%	88,2%
1.2	Thực hiện dự án (a+b+c)	139	3.491.851	1.624.504	1.409.369	2.974.966	46,5%	40,4%	85,2%
a	Hạ tầng kinh tế	56	2.404.740	1.059.749	779.073	1.968.998	44,1%	32,4%	81,9%
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	53	572.857	228.433	268.492	435.718	39,9%	46,9%	76,1%
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	30	514.254	336.322	361.804	570.250	65,4%	70,4%	110,9%
2	Vốn xổ số kiến thiết (a+b)	76	1.516.000	427.616	527.321	1.150.646	28,2%	34,8%	75,9%



Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2018 (2081/QĐ-UBND)	Thực hiện từ đầu năm đến 31/10/2018		CĐT Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 31/12	Tỷ lệ % so với KH		
				Khối lượng thực hiện (CĐT)	Giá trị giải ngân (KBNN)		KLTH 31/10	GTGN 31/10	KLTH 31/12
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (5)/(4)	(9)= (6)/(4)	(10)= (7)/(4)
a	Cấp tỉnh làm chủ đầu tư	7	725.830	56.456	60.613	347.926	7,8%	8,4%	47,9%
b	Cấp huyện làm chủ đầu tư	69	790.170	371.160	466.708	802.720	47,0%	59,1%	101,6%
3	Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện	59	620.600	226.657	293.774	569.600	36,5%	47,3%	91,8%
4	Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở vốn đối ứng ngân sách địa phương		1.496	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%
II	VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	0	1.356.377	582.830	793.534	1.286.682	43,0%	58,5%	94,9%



Phụ lục II-A

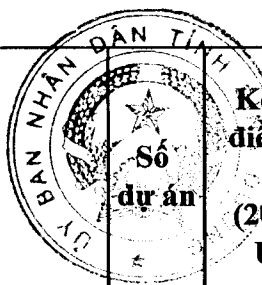
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 10 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018

Phân theo các nguồn vốn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố

(Kèm theo Báo cáo số 279/BC-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2018 (2081/QĐ-UBND)	Thực hiện từ đầu năm đến 31/10/2018		CĐT Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 31/12	Tỷ lệ % so với KH		
				Khối lượng thực hiện (CĐT)	Giá trị giải ngân (KBNN)		KLTH 31/10	GTGN 31/10	Ước KLTH 31/12
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (5)/(4)	(9)= (6)/(4)	(10)= (7)/(4)
	TỔNG CỘNG (1+2+...+8+9)	128	2.767.147	1.180.647	1.554.016	2.659.002	42,7%	56,2%	96,1%
	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>	<i>0</i>	<i>1.356.377</i>	<i>582.830</i>	<i>793.534</i>	<i>1.286.682</i>	<i>43,0%</i>	<i>58,5%</i>	<i>94,9%</i>
	<i>Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện</i>	<i>59</i>	<i>620.600</i>	<i>226.657</i>	<i>293.774</i>	<i>569.600</i>	<i>36,5%</i>	<i>47,3%</i>	<i>91,8%</i>
	<i>Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư</i>	<i>69</i>	<i>790.170</i>	<i>371.160</i>	<i>466.708</i>	<i>802.720</i>	<i>47,0%</i>	<i>59,1%</i>	<i>101,6%</i>
1	Thành phố Thủ Dầu Một	27	507.558	166.565	200.893	476.988	32,8%	39,6%	94,0%
1.1	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>		<i>209.658</i>	<i>71.832</i>	<i>84.163</i>	<i>209.088</i>	<i>34,3%</i>	<i>40,1%</i>	<i>99,7%</i>
1.2	<i>Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện</i>	<i>14</i>	<i>175.000</i>	<i>32.803</i>	<i>44.552</i>	<i>145.000</i>	<i>18,7%</i>	<i>25,5%</i>	<i>82,9%</i>
1.3	<i>Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư</i>	<i>13</i>	<i>122.900</i>	<i>61.930</i>	<i>72.178</i>	<i>122.900</i>	<i>50,4%</i>	<i>58,7%</i>	<i>100,0%</i>
2	Thị xã Thuận An	12	454.285	98.008	208.702	443.258	21,6%	45,9%	97,6%
2.1	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>		<i>251.685</i>	<i>45.044</i>	<i>101.987</i>	<i>251.547</i>	<i>17,9%</i>	<i>40,5%</i>	<i>99,9%</i>
2.2	<i>Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện</i>	<i>4</i>	<i>79.600</i>	<i>36.059</i>	<i>43.202</i>	<i>93.250</i>	<i>45,3%</i>	<i>54,3%</i>	<i>117,1%</i>
2.3	<i>Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư</i>	<i>8</i>	<i>123.000</i>	<i>16.905</i>	<i>63.513</i>	<i>98.461</i>	<i>13,7%</i>	<i>51,6%</i>	<i>80,0%</i>
3	Thị xã Dĩ An	12	422.297	97.119	224.760	353.309	23,0%	53,2%	83,7%
3.1	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>		<i>336.527</i>	<i>85.281</i>	<i>185.607</i>	<i>267.539</i>	<i>25,3%</i>	<i>55,2%</i>	<i>79,5%</i>



Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh 2018 (2081/QĐ-UBND)	Thực hiện từ đầu năm đến 31/10/2018		CĐT Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 31/12	Tỷ lệ % so với KH		
				Khối lượng thực hiện (CĐT)	Giá trị giải ngân (KBNN)		KLTH 31/10	GTGN 31/10	Ước KLTH 31/12
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (5)/(4)	(9)= (6)/(4)	(10)= (7)/(4)
3.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	3	40.000	6.609	25.055	40.000	16,5%	62,6%	100,0%
3.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	9	45.770	5.229	14.098	45.770	11,4%	30,8%	100,0%
4	Thị xã Tân Uyên	19	357.354	210.567	246.081	358.104	58,9%	68,9%	100,2%
4.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		96.354	79.303	83.626	96.354	82,3%	86,8%	100,0%
4.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	9	61.000	17.600	21.918	61.000	28,9%	35,9%	100,0%
4.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	10	200.000	113.664	140.537	200.750	56,8%	70,3%	100,4%
5	Huyện Bắc Tân Uyên	10	206.766	62.047	91.571	160.147	30,0%	44,3%	77,5%
5.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		83.765,5	45.838	64.236	83.765,5	54,7%	76,7%	100,0%
5.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	3	55.000	2.451	14.746	18.046	4,5%	26,8%	32,8%
5.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	7	68.000	13.758	12.589	58.335	20,2%	18,5%	85,8%
6	Thị xã Bến Cát	10	227.052	128.891	139.595	227.052	56,8%	61,5%	100,0%
6.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		103.152	60.987	71.691	103.152	59,1%	69,5%	100,0%
6.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	3	67.000	40.196	40.196	67.000	60,0%	60,0%	100,0%
6.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	7	56.900	27.708	27.708	56.900	48,7%	48,7%	100,0%
7	Huyện Bàu Bàng	20	186.581	123.975	132.745	217.993	66,4%	71,1%	116,8%
7.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		78.580,5	50.811	56.058	78.580,5	64,7%	71,3%	100,0%
7.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	15	55.000	41.650	41.054	61.612	75,7%	74,6%	112,0%
7.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	5	53.000	31.514	35.633	77.800	59,5%	67,2%	146,8%
8	Huyện Phú Giáo	10	198.275	139.449	155.602	198.275	70,3%	78,5%	100,0%



Stt	Danh mục		Kế hoạch điền chính 2018 (2081/QĐ- UBND)	Thực hiện từ đầu năm đến 31/10/2018		CĐT Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 31/12	Tỷ lệ % so với KH		
				Khối lượng thực hiện (CĐT)	Giá trị giải ngân (KBNN)		KLTH 31/10	GTGN 31/10	Ước KLTH 31/12
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (5)/(4)	(9)= (6)/(4)	(10)= (7)/(4)
8.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		93.274,5	70.116	71.184	93.274,5	75,2%	76,3%	100,0%
8.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	5	44.000	23.331	38.416	44.000	53,0%	87,3%	100,0%
8.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	5	61.000	46.002	46.002	61.000	75,4%	75,4%	100,0%
9	Huyện Dầu Tiếng	8	206.981	154.026	154.067	223.877	74,4%	74,4%	108,2%
9.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		103.381	73.618	74.982	103.381	71,2%	72,5%	100,0%
9.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	3	44.000	25.958	24.635	39.692	59,0%	56,0%	90,2%
9.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	5	59.600	54.450	54.450	80.804	91,4%	91,4%	135,6%



Phụ lục III-A

**CAO TỈNH HÌNH THỰC HIỆN 10 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018**

Phân theo các Chủ đầu tư (Nguồn vốn Ngân sách địa phương)

theo Báo cáo số 279 /BC-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chủ đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh 2018 (2081/QĐ-UBND)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/10/2018		CĐT Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 31/12	Tỷ lệ % so với KH		
			Khối lượng thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH 31/10	GTGN 31/10	KLTH 31/12
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (5)/(4)	(9)= (6)/(4)	(10)= (7)/(4)
	TỔNG CỘNG	7.009.460	2.867.461	3.027.877	6.000.579	40,9%	43,2%	85,6%
A	09 Huyện, Thị xã, Thành phố	3.193.350	1.290.648	1.733.268	3.036.619	40,4%	54,3%	95,1%
1	UBND Tp. Thủ Dầu Một	716.008	239.483	288.415	685.438	33,4%	40,3%	95,7%
2	UBND thị xã Thuận An	455.085	98.206	208.900	444.058	21,6%	45,9%	97,6%
3	UBND thị xã Dĩ An	462.897	97.953	233.267	378.951	21,2%	50,4%	81,9%
4	UBND thị xã Tân Uyên	378.954	210.567	246.534	378.604	55,6%	65,1%	99,9%
5	UBND huyện Bắc Tân Uyên	266.886	69.698	97.988	172.367	26,1%	36,7%	64,6%
6	UBND thị xã Bến Cát	233.202	133.970	144.674	250.052	57,4%	62,0%	107,2%
7	UBND huyện Bàu Bàng	237.181	126.446	182.971	268.939	53,3%	77,1%	113,4%
8	UBND huyện Phú Giáo	229.058	158.304	174.457	229.058	69,1%	76,2%	100,0%
9	UBND huyện Dầu Tiếng	214.081	156.021	156.062	229.153	72,9%	72,9%	107,0%
B	Các Sở, ban, ngành	3.788.457	1.571.407	1.292.752	2.945.982	41,5%	34,1%	77,8%
I	Kế hoạch vốn trên 200 tỷ đồng	3.417.468	1.335.319	1.033.593	2.579.446	39,1%	30,2%	75,5%
1	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	2.268.808	281.430	258.877	1.327.490	12,4%	11,4%	58,5%
2	Công an tỉnh	443.455	329.032	313.606	498.951	74,2%	70,7%	112,5%
3	Sở Nông nghiệp và PTNT	201.600	183.309	79.273	153.604	90,9%	39,3%	76,2%
4	Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương	503.605	541.548	381.837	599.401	107,5%	75,8%	119,0%
II	Kế hoạch vốn từ 50 tỷ đến 200 tỷ đồng	266.849	193.655	211.788	261.027	72,6%	79,4%	97,8%
5	Trường cao đẳng Y tế	52.960	42.433	46.360	52.960	80,1%	87,5%	100,0%
6	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	69.410	86.893	60.798	64.224	125,2%	87,6%	92,5%
7	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	71.579	7.763	48.198	71.679	10,8%	67,3%	100,1%
8	Đài Phát thanh truyền hình	72.900	56.566	56.432	72.164	77,6%	77,4%	99,0%
III	Kế hoạch vốn từ 10 tỷ đến 50 tỷ đồng	104.140	42.433	47.371	105.509	40,7%	45,5%	101,3%
9	Bệnh viện đa khoa tỉnh	39.969	69	9.561	46.838	0,2%	23,9%	117,2%
10	Sở Tài Nguyên và Môi trường	10.470	3.397	3.398	8.170	32,4%	32,5%	78,0%

STT	Ban Nhân dân tỉnh Bình Dương làm chủ đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh 2018 (2081/QĐ-UBND)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/10/2018		CĐT Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 31/12	Tỷ lệ % so với KH		
			Khối lượng thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH 31/10	GTGN 31/10	KLTH 31/12
11	Sở Thông tin truyền thông	25.794	18.406	17.651	26.789	71,4%	68,4%	103,9%
12	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	11.814	4.978	1.907	7.785	42,1%	16,1%	65,9%
13	Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh	16.093	15.583	14.854	15.927	96,8%	92,3%	99,0%
	<i>Các Chủ đầu tư có tổng nguồn vốn dưới 10 tỷ đồng</i>	27.653	5.406	1.857	17.978	19,5%	6,7%	65,0%
14	Văn phòng tỉnh ủy	3.120	1.820	0	2.383	58,3%	0,0%	76,4%
15	Tỉnh Đoàn Bình Dương	3.850	0	0	1.125	0,0%	0,0%	29,2%
16	Trường CĐ nghề Việt Nam- Singapore	254	0	0	80	0,0%	0,0%	31,5%
17	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	6.500	0	0	3.700	0,0%	0,0%	56,9%
18	Báo Bình Dương	421	0	0	340	0,0%	0,0%	80,8%
19	Sở Khoa học và Công nghệ	1.850	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%
20	Bệnh viện Y học cổ truyền Bình Dương	2.860	1.129	636	1.129	39,5%	22,2%	39,5%
21	Sở Giao thông Vận tải	1.000	0	0	1.000	0,0%	0,0%	100,0%
22	Liên đoàn lao động tỉnh	2.000	517	510	530	25,9%	25,5%	26,5%
23	Sở Xây dựng	3.760	221	0	3.760	5,9%	0,0%	100,0%
24	Sở Kế hoạch và Đầu tư	700	688	688	2.900	98,3%	98,3%	414,3%
25	Bệnh viện phục hồi chức năng	100	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%
26	Trường cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc	1.138	1.031	23	1.031	90,6%	2,0%	90,6%
27	Sở Công thương	100	0	0		0,0%	0,0%	0,0%

*Ghi chú: Nguồn vốn của 09 huyện, thị xã, thành phố bao gồm Nguồn vốn ngân sách tỉnh tập trung do cấp huyện làm chủ đầu tư.

Tổng cộng có 36 Chủ đầu tư (09 huyện, thị và 27 chủ đầu tư khác)



Phụ lục IV-A

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẾN THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018
DANH MỤC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM


(Kèm theo Báo cáo số 219/BC-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

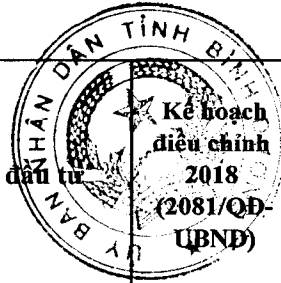
Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh 2018 (2081/QĐ-UBND)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/10/2018		CĐT Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 31/12	Tỷ lệ % so với KH		
				KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH 31/10	GTGN 31/10	KLTH 31/12
	TỔNG CỘNG		3.319.987	786.306	723.855	2.379.452	23,7%	21,8%	71,7%
	VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG		1.933.295	612.473	562.428	1.395.589	31,7%	29,1%	72,2%
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		3.416	1.128	1.128	3.017	33,0%	33,0%	88,3%
A	HẠ TẦNG KINH TẾ (A=I+II+III)		1.200	834	834	1.517	69,5%	69,5%	126,4%
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		1.200	834	834	1.517	69,5%	69,5%	126,4%
1	Tuyến đường trục chính Đông Tây: đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp Quốc Lộ 1K (khoảng 3.640m)	UBND thị xã Dĩ An	1.000	417	417	1.000	41,7%	41,7%	100,0%
2	Tuyến đường vành đai Đông Bắc 2: đoạn từ trục chính Đông Tây (khu vực giữa khu dân cư Bình Nguyên và Trường Cao đẳng nghề Đồng An) đến giáp đường Mỹ Phước - Tân Vạn (khoảng 1.600m)	UBND thị xã Dĩ An	100	417	417	417	417,0%	417,0%	417,0%
3	Đường Đất Cuốc đi Thới Hòa - An Điền (trùng tuyến đường Vành đai 4)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	100	0	0	100	0,0%	0,0%	100,0%
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI (B=I+II+III+IV)		2.216	294	294	1.500	13,3%	13,3%	67,7%
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		2.216	294	294	1.500	13,3%	13,3%	67,7%
4	Thiết bị Bệnh viện đa khoa 1500 giường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	2.216	294	294	1.500	13,3%	13,3%	67,7%
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		1.929.879	611.345	561.300	1.392.572	31,7%	29,1%	72,2%
A	HẠ TẦNG KINH TẾ (A=I+II+III+IV)		1.599.015	489.964	405.319	1.154.971	30,6%	25,3%	72,2%



STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh 2018 (2081/QĐ-UBND)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/10/2018		CĐT Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 31/12	Tỷ lệ % so với KH		
				KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH 31/10	GTGN 31/10	KLTH 31/12
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		1.071.085	120.630	149.636	685.059	11,3%	14,0%	64,0%
5	Dự án đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài	UBND thị xã Dĩ An	17.500	0	7.673	0	0,0%	43,8%	0,0%
6	Dự án xây dựng đường Bắc Nam 3	UBND thị xã Dĩ An	20.000	0	0	20.000	0,0%	0,0%	100,0%
7	Đường Bạch Đằng nối dài, Tp.Thủ Dầu Một	UBND Thành phố Thủ Dầu Một	163.000	35.743	48.027	120.000	21,9%	29,5%	73,6%
8	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Công Xanh	UBND huyện Tân Uyên	10.100	0	453	10.100	0,0%	4,5%	100,0%
9	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 1	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	18.000	13.032	13.012	18.000	72,4%	72,3%	100,0%
10	Dự án đền bù đường Mỹ Phước - Tân Vạn	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	62.326	1.984	2.045	62.560	3,2%	3,3%	100,4%
11	Giao lộ ngã tư Phú Thứ Bến Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	24.120	20.553	17.213	24.120	85,2%	71,4%	100,0%
12	Xây dựng đường nối từ cầu Thới An đến ĐT748	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1.025	5	645	1.705	0,5%	62,9%	166,3%
13	Đường ĐT744 đoạn từ Km12+000 đến Km32+000	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	27.805	22.773	12.053	27.805	81,9%	43,3%	100,0%
14	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa (ranh thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Công Xanh (gấp đường ĐT741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	14.505	4.823	2.613	15.339	33,3%	18,0%	105,8%
15	Xây dựng đường từ ngã ba Mười Muộn đi ngã ba Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	57.295	4.228	28.456	70.161	7,4%	49,7%	122,5%

STT	Danh mục	 Kế hoạch điều chỉnh 2018 (2081/QĐ- UBND)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/10/2018		CĐT Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 31/12	Tỷ lệ % so với KH			
			KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH 31/10	GTGN 31/10	KLTH 31/12	
16	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	78.640	43	0	19.000	0,1%	0,0%	24,2%
17	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, cải tạo các nút giao lộ Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm giao cầu Phú Long đến nút giao ngã tư Hòa Lân)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	500	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%
18	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	491.269	17.446	17.446	291.269	3,6%	3,6%	59,3%
19	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	85.000	0	0	5.000	0,0%	0,0%	5,9%
II	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		527.930	369.334	255.683	469.912	70,0%	48,4%	89,0%
20	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương	150.000	57.956	57.959	88.000	38,6%	38,6%	58,7%
21	Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng	Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương	4.000	7.081	0	7.081	177,0%	0,0%	177,0%
22	Trục thoát nước Suối Giữa, thành phố Thủ Dầu Một	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7.900	5.792	4.169	5.792	73,3%	52,8%	73,3%
23	Trục thoát nước Bung Biệp - Suối Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	75.030	43.568	27.191	76.035	58,1%	36,2%	101,3%
24	Hệ thống thoát nước Dĩ An - KCN Tân Đông Hiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	100.000	27.999	8.199	52.004	28,0%	8,2%	52,0%
25	Trục thoát nước Chòm Sao - Suối Đôn	Sở Nông nghiệp và PTNT	101.000	155.308	71.074	101.000	153,8%	70,4%	100,0%



STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số vốn	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/10/2018		CĐT Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 31/12	Tỷ lệ % so với KH		
				KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH 31/10	GTGN 31/10	KLTH 31/12
26	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực thị xã Dĩ An	Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương	90.000	71.630	87.091	140.000	79,6%	96,8%	155,6%
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI		330.864	121.381	155.981	237.601	36,7%	47,1%	71,8%
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		166.030	54.201	82.971	121.788	32,6%	50,0%	73,4%
27	Hạ tầng kỹ thuật tổng thể (thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	16.150	630	475	16.150	3,9%	2,9%	100,0%
28	Các trục giao thông chính thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của Nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	99.750	52.046	32.496	55.508	52,2%	32,6%	55,6%
29	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	130	0	0	130	0,0%	0,0%	100,0%
30	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng - Quy mô 100 giường bệnh- Nguồn NST	UBND huyện Bàu Bàng	50.000	1.525	50.000	50.000	3,1%	100,0%	100,0%
II	SỰ NGHIỆP PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH		80.234	65.805	66.065	83.939	82,0%	82,3%	104,6%
31	Đầu tư thiết bị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình Trường quay - Nhà bá âm	Đài Phát thanh truyền hình	70.600	56.532	56.432	70.562	80,1%	79,9%	99,9%
32	Trường quay- nhà bá âm FM Đài phát thanh truyền hình Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	9.634	9.273	9.633	13.377	96,3%	100,0%	138,9%
III	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN		84.000	995	6.565	31.048	1,2%	7,8%	37,0%
33	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tưởng niệm chiến khu Đ	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	84.000	995	6.565	31.048	1,2%	7,8%	37,0%
IV	CÁC KHOẢN CHI KHÁC THEO QUY ĐỊNH		600	380	380	826	63,3%	63,3%	137,7%

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh 2018 (2011/QĐ UBND)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/10/2018		CĐT Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 31/12	Tỷ lệ % so với KH		
				KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH 31/10	GTGN 31/10	KLTH 31/12
34	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư liên kế-phường Định Hòa	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	600	380	380	826	63,3%	63,3%	137,7%
	VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT		1.296.883	140.613	131.520	921.863	10,8%	10,1%	71,1%
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		150	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%
I	GIÁO DỤC		150	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%
35	Trường THCS tạo nguồn Phú Giáo		50	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%
36	Trường THCS Tạo nguồn TP. Thủ Dầu Một		100	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		1.296.733	140.613	131.520	921.863	10,8%	10,1%	71,1%
I	GIÁO DỤC		644.543	140.314	131.343	648.195	21,8%	20,4%	100,6%
37	81 công trình trường học mầm non, phổ thông các cấp (không bao gồm danh mục xã hội hoá)-(nguồn vốn xổ số)		644.543	140.314	131.343	648.195	21,8%	20,4%	100,6%
II	Y TẾ		652.190	299	177	273.668	0,0%	0,0%	42,0%
38	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	652.190	299	177	273.668	0,0%	0,0%	42,0%
	VỐN TỈNH HỖ TRỢ CẤP HUYỆN		88.006	31.416	29.689	60.187	35,7%	33,7%	68,4%
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		40.000	1.289	1.289	2.835	3,2%	3,2%	7,1%
I	Y TẾ		40.000	1.289	1.289	2.835	3,2%	3,2%	7,1%
39	Trung tâm y tế huyện Bắc Tân Uyên quy mô 100 giường; Giai đoạn 1: 60 giường	UBND huyện Bắc Tân Uyên	40.000	1.289	1.289	2.835	3,2%	3,2%	7,1%
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		48.006	30.127	28.400	57.352	62,8%	59,2%	119,5%
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		500	155	155	500	31,0%	31,0%	100,0%



STT	Danh mục	Kế hoạch điều chỉnh 2018 (2081/QĐ-UBND)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/10/2018		CĐT Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 31/12	Tỷ lệ % so với KH			
			KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH 31/10	GTGN 31/10	KLTH 31/12	
40	Đường Lê Chí Dân, phường Hiệp An	UBND Tp.Thủ Dầu Một	500	155	155	500	31,0%	31,0%	100,0%
II	GIÁO DỤC		40.106	29.670	27.943	51.152	74,0%	69,7%	127,5%
41	81 công trình trường học mầm non, phổ thông các cấp (không bao gồm danh mục xã hội hoá)-(nguồn vốn tính hỗ trợ cấp huyện)		40.106	29.670	27.943	51.152	74,0%	69,7%	127,5%
III	VĂN HÓA - THÔNG TIN		7.400	302	302	5.700	4,1%	4,1%	77,0%
42	Nhà tang lễ thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7.400	302	302	5.700	4,1%	4,1%	77,0%
	VỐN PHÂN CẤP THEO TIÊU CHÍ CHO CẤP HUYỆN		1.803	1.804	218	1.813	100,1%	12,1%	100,6%
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		1.803	1.804	218	1.813	100,1%	12,1%	100,6%
I	VĂN HÓA - THÔNG TIN		0	0	0	0	0	0	0
43	Cải tạo nhà tang lễ thị xã Thuận An	UBND TX.Thuận An							
II	GIÁO DỤC		3	4	6	13	133,3%	200,0%	433,3%
44	81 công trình trường học mầm non, phổ thông các cấp (không bao gồm danh mục xã hội hoá)-(nguồn phân vốn cấp theo tiêu chí cho cấp huyện)		3	4	6	13	133,3%	200,0%	433,3%
II	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		1.800	1.800	212	1.800	100,0%	11,8%	100,0%
45	Giao lộ ngã tư Cây Me	UBND TPTDM	1.800	1.800	212	1.800	100,0%	11,8%	100,0%



Phụ lục V-A

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 10 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018
DANH MỤC DỰ ÁN ĐÈN BÙ**

(Kèm theo Báo cáo số 13/BC-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công 2018 (2081/QĐ-UBND)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/10/2018		CĐT Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 31/12	Tỷ lệ % so với KH		
				Khối lượng thực hiện (CĐT)	Giá trị Giải ngân (KBNN)		KLTH 31/10	GTGN 31/10	KLTH 31/12
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	10	889.765	19.973	20.444	550.359	2,2%	2,3%	61,9%
A	HẠ TẦNG KINH TẾ (A=I+II+III+IV)	9	889.635	19.973	20.444	550.229	2,2%	2,3%	61,8%
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	9	889.635	19.973	20.444	550.229	2,2%	2,3%	61,8%
1	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, cải tạo các nút giao lộ Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm giao cầu Phú Long đến nút giao ngã tư Hòa Lân)	1	500	0	0	500	0,0%	0,0%	100,0%
2	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, dự án trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên	1	150.500	500	500	150.500	0,3%	0,3%	100,0%
3	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình làm mới đường ĐT746 nối dài đoạn từ dốc Cây Quéo đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cồng Xanh	1	10.300	0	0	10.300	0,0%	0,0%	100,0%
4	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT746 đoạn từ cầu Tân Khánh đến dốc Cây Quéo	1	1.000	0	0	1.000	0,0%	0,0%	100,0%
5	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cồng Xanh	1	10.100	0	453	10.100	0,0%	4,5%	100,0%



STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công 2018 (2081/QĐ-UBND)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/10/2018		CĐT Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 31/12	Tỷ lệ % so với KH		
				Khối lượng thực hiện (CĐT)	Giá trị Giải ngân (KBNN)		KLTH 31/10	GTGN 31/10	KLTH 31/12
6	Dự án đền bù đường Mỹ Phước - Tân Vạn	1	62.326	1.984	2.045	62.560	3,2%	3,3%	100,4%
7	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bầu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bầu Bàng)	1	78.640	43	0	19.000	0,1%	0,0%	24,2%
8	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	1	491.269	17.446	17.446	291.269	3,6%	3,6%	59,3%
9	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	1	85.000	0	0	5.000	0,0%	0,0%	5,9%
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI	1	130	0	0	130	0,0%	0,0%	100,0%
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	1	130	0	0	130	0,0%	0,0%	100,0%
10	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	1	130	0	0	130	0,0%	0,0%	100,0%



Phụ lục I-B

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 279 /BC-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
	TỔNG CỘNG (A+B)	328	8.177.970
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3	677.970
I	VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)	2	643.080
II	VỐN TRONG NƯỚC	1	34.890
	<i>Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu</i>	<i>1</i>	<i>34.890</i>
B	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II)	325	7.500.000
I	VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (1+2+3)	325	6.170.000
1	Vốn ngân sách tỉnh tập trung (1.1+1.2)	168	4.208.000
1.1	Chuẩn bị đầu tư (a+b+c)	71	68.315
a	Hạ tầng kinh tế	36	50.015
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	10	5.300
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	25	13.000
1.2	Thực hiện dự án (a+b+c)	97	4.139.685
a	Hạ tầng kinh tế	43	2.756.485
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	38	991.200
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	16	392.000
2	Vốn xổ số kiến thiết (a+b)	95	1.405.000
a	Cấp tỉnh làm chủ đầu tư	5	433.310
b	Cấp huyện làm chủ đầu tư	90	971.690
3	Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện	62	557.000
II	VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN		1.330.000

Phụ lục II-B



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Phân theo các nguồn vốn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố

(Kèm theo Báo cáo số 279 /BC-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
	TỔNG CỘNG (1+2+...+8+9)	152	2.858.690
	Vốn phân cấp theo tiêu chí		1.330.000
	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	62	557.000
	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	90	971.690
1	Thành phố Thủ Dầu Một	29	496.704
1.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		220.704
1.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	16	180.000
1.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	13	96.000
2	Thị xã Thuận An	16	502.223
2.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		264.823
2.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	6	64.200
2.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	10	173.200
3	Thị xã Dĩ An	15	441.858
3.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		256.208
3.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	2	50.000
3.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	13	135.650
4	Thị xã Tân Uyên	23	349.488
4.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		101.688
4.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	8	55.000
4.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	15	192.800
5	Huyện Bắc Tân Uyên	12	228.402
5.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		88.402,0
5.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	3	55.000
5.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	9	85.000
6	Thị xã Bến Cát	14	220.296
6.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		108.606
6.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	6	45.000

6.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	8	66.690
7	Huyện Bàu Bàng	17	222.387
7.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		82.887,0
7.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	9	42.200
7.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	8	97.300
8	Huyện Phú Giáo	16	208.504
8.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		98.454,0
8.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	8	40.000
8.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	8	70.050
9	Huyện Dầu Tiếng	10	188.828
9.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		108.228
9.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	4	25.600
9.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	6	55.000



Phụ lục III-B

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

NGÂN SÁCH TẬP TRUNG - CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

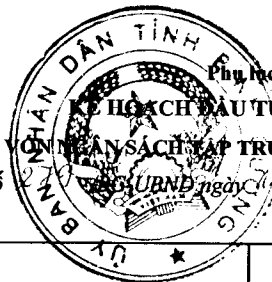
HC-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
	TỔNG SỐ (A+B+C)			302.047	71	68.315
A	HẠ TẦNG KINH TẾ			161.559	36	50.015
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)			144.459	23	33.130
1	Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Văn Mên (Hương lộ 9) từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến cảng An Sơn, thị xã Thuận An	UBND Tx Thuận An			1	500
2	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, cải tạo các nút giao lộ Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm giao cầu Phú Long đến nút giao ngã tư Hòa Lân)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7575165	4.500	1	245
3	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT742 đoạn qua thành phố Thủ Dầu Một và thị xã Tân Uyên	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		3.000	1	1.070
4	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT747a đoạn từ Thái Hòa đến Uyên Hưng	UBND Tx Tân Uyên		500	1	100
5	Đầu tư xây dựng các tuyến đường nhánh và cơ sở hạ tầng phụ trợ trong Khu trung tâm hành chính và tái định cư huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	7699430	2.000	1	1.500
6	Giải phóng mặt bằng đường Đất Cuốc đi Thới Hòa - An Điền (trùng tuyến đường Vành đai 4)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		3.000	1	1.495
7	Đường vành đai Đông Bắc 2 - Đoạn từ trục chính Đông Tây (khu vực giữa khu dân cư Bình Nguyên và Trường Cao đẳng nghề Đông An) đến giáp đường Mỹ Phước - Tân Vạn	UBND thị xã Dĩ An		40.650	1	500
8	Nâng cấp, mở rộng ĐT748 đoạn từ giáp giao lộ ngã tư Phú Thứ đến vành đai Bắc thị trấn Mỹ Phước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7203979	5.000	1	1.155
9	Xây dựng kè chống sạt lù cừ lao Rùa (Vị trí cừ Rùa)	UBND thị xã Tân Uyên		2.000	1	100
10	Xây dựng mới Cầu Đò qua sông Thị Tinh	UBND thị xã Bến Cát		2.000	1	500
11	Cải tạo hạ tầng giao thông cộng đồng tại tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		60.709	1	6.800
12	Nâng cấp đường ĐT 746 đoạn từ cầu Gõ đến Lạc An	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		3.000	1	3.000
13	Xây dựng đường từ Quốc Lộ 13 đến đường Mỹ Phước- Tân Vạn	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		3.000	1	920
14	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT741B	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		3.000	1	1.780
15	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT746 đoạn từ ngã ba Tân Thành đến ngã ba Hội Nghĩa	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		3.000	1	2.525
16	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7677567	3.000	1	1.395
17	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 2: Xây dựng cầu vượt sông Đồng Nai	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		3.000	1	3.000
18	Xây dựng đường và cầu Vàm Tư	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		3.000	1	2.750
19	Đầu tư vỉa hè, cây xanh, hệ thống chiếu sáng, hệ thống thoát nước đường Huỳnh Văn Lũy (Trần Ngọc Lân - Tạo lực 6), phường Phú Mỹ	UBND Tp.Thủ Dầu Một		100	1	50
20	Xây dựng đường tạo lức Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh			1	1.100
21	Xây dựng đường và cầu kết nối tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh			1	1.945
22	Xây dựng tường kè gia cố bờ sông Sài Gòn (đoạn từ cầu Thổ Ngừ đến rạch Báy Tra), phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp.Thủ Dầu Một			1	500
23	Xây dựng đường nội bộ Tiểu đoàn 2 - Trung đoàn cảnh sát cơ động 25, xã Phú An, thị xã Bến Cát	UBND thị xã Bến Cát			1	200
II	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG			0	6	5.085
24	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Minh Hòa, xã Minh Tân, xã Định An, huyện Dầu Tiếng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn			1	1.465
25	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn			1	620
26	Dự án giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát, thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp.Thủ Dầu Một			1	500
27	Dự án giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát, thị xã Thuận An	UBND thị xã Thuận An			1	500
28	Dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực Bến Cát	Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương			1	1.000
29	Dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực phường Uyên Hưng và phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương			1	1.000
III	CÁC KHOẢN CHI KHÁC THEO QUY ĐỊNH			600	2	550

STT	Ban mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
30	Xây dựng khu an ninh cư và tập trung an dân di dời các hộ dân đang sinh sống trong vùng phòng hộ Núi Cầu Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng		600	1	500
31	Xóa diêm kế mìn, nâng hồ sử dụng điện trên địa bàn huyện Phú Giáo	UBND huyện Phú Giáo			1	50
IV	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - CẤP, THOÁT NƯỚC			8.000	3	8.000
32	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước Bình Hòa	Sở Nông nghiệp và PTNT		2.000	1	2.000
33	Nạo vét, gia cố Suối Cái từ thượng nguồn (đầu tuyến) đến sau cầu Thọ Ut 100m	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		3.000	1	3.000
34	Nạo vét, gia cố Suối Cái và các tuyến suối còn lại từ sau cầu Thọ Ut 100m đến sông Đồng Nai	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		3.000	1	3.000
V	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ NÔNG THÔN			6.500	1	1.500
35	Trạm chẩn đoán xét nghiệm và Điều trị bệnh động vật tỉnh Bình Dương	Sở Nông nghiệp và PTNT		6.500	1	1.500
VI	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - THỦY LỢI VÀ DỊCH VỤ THỦY LỢI			2.000	1	1.750
36	Xây dựng công kiểm soát triều rạch Bình Nhâm thị xã Thuận An	Sở Nông nghiệp và PTNT		2.000	1	1.750
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI			20.911	10	5.300
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			13.400	2	1.200
37	Cải tạo, sửa chữa khu mổ, X quang, khoa nhi, nhánh A, nhánh B của Bệnh viện đa khoa tỉnh.	Bệnh viện đa khoa tỉnh	7588399	13.200	1	1.000
38	Nâng cấp cơ sở vật chất Bệnh viện Phục hồi chức năng	Bệnh viện Phục hồi chức năng		200	1	200
II	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN			7.511	5	2.600
39	Tôn tạo di tích lịch sử Khảo Cổ Đốc Chùa	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	7251734	6.911	1	1.000
40	Dự án Trưng tu, tôn tạo Di tích Sở Chi huy tiền phương Chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 1: Xây dựng hạ tầng toàn khu)	Ban QLDA tỉnh		500	1	500
41	Trưng tu, tôn tạo di tích Sở Chi huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 3: Dự án bồi thường, giải tỏa)	UBND huyện DT		100	1	100
42	Tượng đài trung tâm Khu di tích Chiến khu Long Nguyên	Ban QLDA tỉnh			1	500
43	Xây dựng hoàn chỉnh Khu vực văn hóa tưởng niệm Khu di tích Chiến khu Long Nguyên	Ban QLDA tỉnh			1	500
III	SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO			0	3	1.500
44	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 2: Nhà luyện tập thể dục thể thao đa năng)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch			1	500
45	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 3: Khu dịch vụ)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch			1	500
46	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 4: Nhà luyện tập các môn võ thuật, nhà luyện tập các môn khác)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch			1	500
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC QPAN			119.577	25	13.000
I	HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			0	3	1.500
47	Nhà để xe cho Tòa nhà Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương			1	500
48	Xây dựng Kho lưu trữ Tỉnh ủy.	Văn phòng tỉnh ủy			1	500
49	Cải tạo tầng P1 và hệ thống chữa cháy tại Tòa nhà Trung tâm Hành chính	Sở Nội vụ			1	500
II	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (AN NINH)			12.634	7	3.500
50	Triển khai hệ thống camera quan sát an ninh trong thành phố mới Bình Dương và Công thông tin điện tử Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	7004692	5.204	1	500
51	Dự án Thiết bị nội thất Nhà làm việc chính Công an tỉnh.	Công an tỉnh		1.000	1	500
52	Cơ sở làm việc Công an thành phố Thủ Dầu Một	Công an tỉnh		500	1	500
53	Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	Công an tỉnh		500	1	500
54	Hệ thống kiểm soát an ninh các Cơ sở giam giữ	Công an tỉnh		500	1	500
55	Hệ thống ghi âm, ghi hình Nhà hỏi cung các cơ sở giam giữ	Công an tỉnh		500	1	500
56	Xây dựng văn phòng điện tử tại Công an tỉnh và công an các huyện, thị xã, thành phố	Công an tỉnh	7004692	4.430	1	500
IV	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY)			7.000	14	7.000
57	Xây dựng Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH trên sông	Công an tỉnh		500	1	500
58	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Vinh Hiệp	Công an tỉnh		500	1	500
59	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tam Lập	Công an tỉnh		500	1	500
60	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Thành	Công an tỉnh		500	1	500
61	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho Đội Cảnh sát PCCC&CNCH trên sông	Công an tỉnh		500	1	500

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
62	Mua sắm trang thiết bị phục vụ ứng cứu sự cố cháy nổ giai đoạn 2	Công an tỉnh		500	1	500
63	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Vinh Hiệp	Công an tỉnh		500	1	500
64	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tam Lập	Công an tỉnh		500	1	500
65	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện cho Đội Cảnh sát PCCC khu vực thuộc Phòng Cảnh sát PC&CC số 1 (Phường Phú Mỹ, TP Thủ Dầu Một)	Công an tỉnh		500	1	500
66	Đầu tư xây dựng hệ thống thông tin vô tuyến bộ đàm kỹ thuật số UHF phục vụ công tác PCCC và CNCH tỉnh Bình Dương.	Công an tỉnh		500	1	500
67	Đầu tư xây dựng hệ thống Camera quan sát cháy trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh		500	1	500
68	Ứng dụng CNTT phục vụ công tác PCCC&CNCH trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh		500	1	500
69	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Phước Vĩnh	Công an tỉnh		500	1	500
70	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Thanh Phước	Công an tỉnh		500	1	500
V	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - CÁC HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA, THẨM ĐÒ KHẢO SÁT, TƯ VẤN, QUY HOẠCH TRONG CÁC LĨNH VỰC KINH TẾ, XÃ HỘI, NHÂN VĂN			99.943	1	1.000
71	Kho lưu trữ Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban QLDA tỉnh	7585305	99.943	1	1.000



Phụ lục IV-B

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

CHƯƠNG TRÌNH SÁCH TẠP TRUNG - THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Kèm theo Báo cáo số UBND ngày 17 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	
	TỔNG SỐ (A+B+C)						11.134.479	97	4.139.685	
A	HẠ TẦNG KINH TẾ (A=I+II+III+IV)						7.842.257	43	2.756.485	
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)						4.760.935	29	1.409.830	
	Công trình Thiết kế BVTC-TĐT						205.250	2	48.900	
1	Đường trục chính Đông Tây - Đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp Quốc Lộ 1K	UBND thị xã Dĩ An	7631815				40.650	1	1.400	
3	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 2	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7620900	2855/QĐ-UBND	11/10/2018	336.719	164.600	1	47.500	
	Công trình khởi công mới						150.100	1	123.340	
4	Xây dựng đường Thủ Biên - Đất Cuộc với quy mô 4 làn xe (GD 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7577422	3050	31/10/2017	293.128	150.100	1	123.340	
	Công trình chuyển tiếp						1.905.980	8	618.100	
5	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường dài liệt sỹ Tân Phước Khánh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7276846	3042	40830	534.080	253.107	136.500	1	132.785
6	Đường trục chính trung tâm hành chính và hạ tầng khu tái định cư huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Bắc Tân Uyên	7618740	2499	18/9/2017	160.479	160.480	1	50.000	
7	Xây dựng đường Bắc Nam 3	UBND thị xã Dĩ An	7526223	720a/QĐ-UBND	31/3/2016	308.722	189.798	66.000	1	15.770
8	Đường Bạch Đằng nối dài, Tp.Thủ Dầu Một	UBND Thành phố Thủ Dầu Một	7200180	1784/QĐ-UBND	17/6/2011	651.281	36.074	400.000	1	82.165
9	Đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài	UBND thị xã Dĩ An	7526224	721a/QĐ-UBND	31/3/2016	118.809	63.869	35.000	1	11.040
10	Đường ĐT744 đoạn từ Km12+000 đến Km32+000	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7004370	3364/QĐ-UBND	27/10/2008	680.936	71.611	134.000	1	70.000
11	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa (ranh thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Cổng Xanh (giáp đường ĐT741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7357539	557/QĐ-UBND	41458	509.396	12.992	144.000	1	56.340
12	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7569781	718a/QĐ-UBND	31/3/2016	1.051.660	1.051.660	830.000	1	200.000
	Công trình thanh toán khối lượng						2.092.100	12	616.090	
13	Hệ thống thoát nước trên đường ĐT 744 tại 03 vị trí cấp bách (Km23+733, Km25+399, Km31+508) huyện Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	7648011	2.952	43034	7.798	1.541	7.300	1	300

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	
				Ngày	Giá trị	Giá trị				
14	Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng cây ăn quả có múi xã Hiếu Liêm	UBND huyện Bắc Tân Uyên	7563949	2985/QĐ-UBND	31/10/2016	36.090	36.090	1	1.500	
15	Xây dựng cầu mới Bến Tăng	UBND huyện Phú Giáo	7243871	727a/QĐ-UBND	31/3/2016	68.538	59.610	1	2.980	
16	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn - giai đoạn I (Đoạn từ ngã ba Cây Dầu đường Bùi Quốc Khánh - Nguyễn Tri Phương đến cầu Thủ Ngự), phường Chánh Nghĩa	UBND Thành phố Thủ Dầu Một	7207491	3293/QĐ-UBND	01/11/2011	151.920	39.064	51.745	1	1.320
17	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7226116	717a/QĐ-UBND	31/3/2016	592.682	592.682	345.610	1	20.000
18	Dự án đền bù đường Mỹ Phước - Tân Vạn	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7038345	4084/QĐ-UBND	23/12/2008	1.723.842	1.723.842	80.000	1	4.580
19	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7226116	728a/QĐ-UBND	31/3/2016	265.000	265.000	265.000	1	785
20	Đường ĐT744 đoạn từ cầu Ông Cộ đến Km 12+000	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7004036	1572/QĐ-UBND	30/5/2011	189.730	29.588	12.135	1	10.625
21	Xây dựng đường từ ngã ba Mười Muộn đi ngã ba Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7226116	2241/QĐ-UBND	15/8/2012	764.482	98.522	418.000	1	40.000
22	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, dự án trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7626481	2453	14/9/2017	1.053.595	1.053.595	667.255	1	512.500
23	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Bình Nhâm đến đường Châu Văn Tiếp, thị xã Thuận An, Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7300799	1477/QĐ-UBND	20/5/2011	131.571	2.241	7.355	1	11.500
24	Xây dựng đường vào Trung tâm Chính trị - Hành chính tập trung tỉnh Bình Dương	UBND Tp. Thủ Dầu Một		2136 3632	21/7/2010 28/12/2016	1.710.986		142.000	1	10.000
	Công trình quyết toán						407.505	6	3.400	
25	Xây dựng đường nối từ cầu Thới An đến ĐT748	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7471541	1226/QĐ-UBND	27/5/2014	106.067	38.133	52.935	1	200
26	Cải tạo nút giao thông ngã tư Sở Sao	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7231793	2697/QĐ-UBND	30/10/2013	53.176	27.227	57.640	1	600
27	Giao lộ ngã tư Phú Thứ Bến Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7334164	3221/QĐ-UBND	12/12/2013	103.390	31.684	93.305	1	800
28	Xây dựng cầu Phú Long, hạng mục: Đường dẫn vào cầu	UBND thị xã Thuận An	7007902	379/QĐ-UBND	19/9/2008	210.859		10.300	1	800
29	Bổ sung, nâng cấp hạng mục chiếu sáng trên tuyến đường ĐT744 đoạn qua xã An Tây từ Km12+046 đến Km21+200	UBND thị xã Bến Cát	7626480	3040/QĐ-UBND	31/10/2017	6.831		6.400	1	200
30	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn I	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7251485	695/QĐ-UBND	30/3/2016	293.489	34.002	186.925	1	800
II	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (NÔNG NGHIỆP - PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN)						50.410	2	1.895	
	Công trình thanh toán khối lượng						50.410	2	1.895	

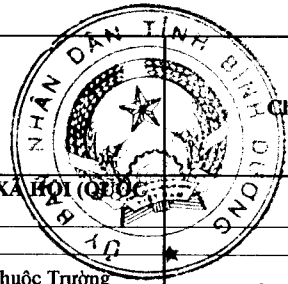
STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
31	Hệ thống cấp nước tập trung xã Tam Lập.	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	7612938				20.025	1	760
32	Đầu tư nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung xã Lạc An	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	7612920				30.385	1	1.135
III	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG						1.772.157	6	857.250
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						<i>1.772.157</i>	<i>6</i>	<i>857.250</i>
33	Đền bù mở rộng suối Lồ Ô thuộc dự án Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	UBND Tx. Dĩ An					2.000	1	128.000
34	Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên	Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương	7362603	927/QĐ-UBND	22/04/2016	893.411	519.710	1	565
35	Xây dựng trạm thủy văn trên sông Sài Gòn	Sở Tài nguyên và Môi trường	7578712	2986/QĐ-UBND	31/10/2016	6.031	3.800	1	2.170
36	Mua sắm trang thiết bị tăng cường năng lực Trung tâm Quan trắc - Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	7577431	2900/QĐ-UBND	27/10/2016	14.687	14.690	1	900
37	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương	7306396	610/QĐ-UBND	9/3/2012	6.398.862	733.000	1	410.615
38	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương	7502964	584/QĐ-UBND	15/03/2016	2.516.480	498.957	1	315.000
IV	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - CẤP, THOÁT NƯỚC						1.258.755	6	487.510
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						<i>292.000</i>	<i>2</i>	<i>263.965</i>
39	Hệ thống thoát nước bên ngoài các khu công nghiệp An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2	Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương	7155708	1103/QĐ-UBND	08/4/2011	333.103	90.000	1	63.965
40	Hệ thống thoát nước Dĩ An - KCN Tân Đông Hiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	7001535	3100/QĐ-UBND	11/11/2016	898.731	202.000	1	200.000
	<i>Công trình thanh toán khối lượng</i>						<i>966.755</i>	<i>4</i>	<i>223.545</i>
41	Trục thoát nước Chòm Sao - Suối Đờn	Sở Nông nghiệp và PTNT	7001487	1817/QĐ-UBND	29/7/2014	991.060	400.000	1	31.400
42	Trục thoát nước Suối Giữa, thành phố Thủ Dầu Một	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7001480	1998/QĐ-UBND	08/7/11	598.218	85.310	1	2.795
43	Trục thoát nước Bung Biệp - Suối Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7003703	4921/QĐ-UBND	16/01/09	726.542	421.445	1	187.350
44	Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng	Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương	7333723	2331/QĐ-UBND	11/9/2015	1.016.464	60.000	1	2.000
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI						1.977.184	38	991.200
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH						1.237.674	16	706.238
	<i>Công trình lập TKBVTC-DT</i>						<i>369.374</i>	<i>1</i>	<i>5.000</i>

STT	Danh mục	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019			
45	Thiết bị Bệnh viện đa khoa 1500 giường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		369.374	1	5.000			
	Công trình khởi công mới			269.924	2	270.357			
46	Xây dựng khối kỹ thuật trung tâm và nhà quản (thuộc khu quy hoạch chi tiết 1/500 bệnh viện đa khoa 1500 giường và ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7466397	3042/QĐ-UBND	31/10/2017	392.936	202.524	1	234.150
47	Trạm xử lý nước thải cho các bệnh viện thuộc khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		3059/QĐ-UBND	31/10/2018	124.405	67.400	1	36.207
	Công trình chuyển tiếp			439.409	5	409.262			
48	Mua sắm trang bị máy móc thiết bị cho phòng labo xét nghiệm Huyết học và Hóa sinh - Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bệnh viện đa khoa tỉnh	7444763	313/QĐ-UBND	08/2/2014	24.982	19.600	1	100
49	Hạ tầng kỹ thuật tổng thể (thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7466394	2792/QĐ-UBND	30/10/15	146.984	103.900	1	97.000
50	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7397335	574/QĐ-UBND	11/3/13	167.052	51.501	1	1.000
51	Các trục giao thông chính thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của Nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7390137	583/QĐ-UBND	12/3/13	369.241	211.650	1	97.000
52	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường (Vốn NS tỉnh tập trung)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7253179	2411/QĐ-UBND	03/10/13	2.318.639	52.758	1	214.162
	Công trình quyết toán			158.967	8	21.619			
51	Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi tỉnh Bình Dương (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7002650	1271/QĐ-UBND	24/5/13	276.880	58.170	1	324
52	Trang thiết bị nhánh C - Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương		2793/QĐ-UBND	30/10/2015	2.042	1.782	1	61
53	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện chuyên khoa Tâm thần và bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7385877	3517/QĐ-UBND	14/12/2012	43.357		1	153
54	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng	Bệnh viện PHCN						1	110
55	Tăng cường năng lực phân tích kiểm nghiệm của Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh thuộc Sở Y tế (giai đoạn 1)	Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh	7583761	1986/QĐ-UBND	25/7/2017	18.063	16.200	1	820
56	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ Bệnh viện chuyên khoa Lao, Tâm thần và khu tái định cư	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7342065	742/QĐ-UBND	29/3/13	57.062	31.857	1	6.500
57	Trang thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bệnh viện đa khoa tỉnh	7497951	4353/QĐ-UBND	31/12/2014	51.552	46.377	1	12.657
58	Cải tạo Khoa Dược và khối Hành chính Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh Bình Dương.	Bệnh viện Y học cổ truyền Bình Dương	7582525	1296/QĐ-UBND	30/5/2016	4.580	4.581	1	994
II	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (CÔNG NGHỆ THÔNG TIN)						29.370	3	3.198

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
	Công trình khởi công mới				3.000	1	3.000
59	Ứng dụng CNTT tại bệnh viện đa khoa tỉnh giai đoạn 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh	7588409	2299/QĐ-UBND 17/8/2018	3.231	1	3.000
	Công trình quyết toán				26.370	2	198
60	Ứng dụng công nghệ thông tin tại Bệnh viện điều dưỡng và Phục hồi chức năng tỉnh	Bệnh viện điều dưỡng và Phục hồi chức năng	7402372	808/QĐ-UBND 04/4/2013	5.067	1	96
61	Đầu tư cho Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông đổi mới hoạt động dịch vụ, tư vấn phát triển công nghệ thông tin và đảm nhiệm vai trò trung tâm dữ liệu dự phòng	Sở Thông tin truyền thông	7600884	2935/QĐ-UBND 28/10/16	24.806	1	102
III	SỰ NGHIỆP PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH				261.438	4	54.682
	Công trình chuyển tiếp				138.200	1	50.000
62	Đầu tư thiết bị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình Trường quay - Nhà bá âm	Đài Phát thanh truyền hình	7580346	2947/QĐ-UBND 28/10/16	260.473	1	50.000
	Công trình lập TKBVTC-DT				4.900	2	4.450
63	Trụ sở làm việc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Dương	Đài Phát thanh truyền hình	7578804	3757/QĐ-UBND 29/12/2017	176.169	1	3.570
64	Xe truyền hình lưu động 6 camera HD	Đài Phát thanh truyền hình				1	880
	Công trình quyết toán				118.338	1	232
65	Trường quay- nhà bá âm FM Đài phát thanh truyền hình Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7001974	254/QĐ-UBND 2/4/12	193.413	1	232
IV	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ				5.118	1	1.850
	Công trình chuyển tiếp				5.118	1	1.850
66	Đầu tư tăng cường năng lực kiểm định, hiệu chuẩn và thử nghiệm thuộc Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	7575359	2941/QĐ-UBND 28/10/16	5.344	1	1.850
V	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN				322.701	7	201.581
	Công trình khởi công mới				50.335	3	43.000
67	Trung bày mỹ thuật khu Di tích lịch sử Rừng Kiến An	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	7583010	2467/QĐ-UBND 05/9/2018	14.518	1	13.000
68	Trung tâm Văn hóa công nhân lao động thị xã Bến Cát	Liên đoàn lao động tỉnh	7650647	1326/QĐ-UBND 23/5/2018	69.913	1	10.000
69	Trung bày mỹ thuật khu tưởng niệm Chiến khu D	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	7583016	3062/QĐ-UBND 31/10/2018	30.500	1	20.000
	Công trình Thiết kế BVTC-TDT				693	1	1.500
70	Nâng cấp cơ sở vật chất bảo tàng tỉnh Bình Dương	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	7251728			1	1.500
	Công trình chuyển tiếp				266.943	2	157.000

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
71	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tưởng niệm chiến khu D	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7157025	1478/3034	20/5/12 02/11/12	123.732 163.565	265.943	1	152.000
72	Trùng tu tôn tạo di tích Nhà tù Phú Lợi	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	7024321	3623/QĐ-UBND	22/11/2011	46.959	1.000	1	5.000
	<i>Công trình quyết toán</i>						4.730	1	81
73	Đầu tư trang thiết bị phục vụ Báo Bình Dương điện tử giai đoạn 3.	Báo Bình Dương	7614728	2938/QĐ-UBND	28/10/16	4.993	4.730	1	81
VI	SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO						833	1	2.000
	<i>Công trình Thiết kế BVTC-TDT</i>						833	1	2.000
74	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 1: hạ tầng kỹ thuật đường số 1, số 2, trục đường cảnh quan, san nền; Nhà trường trực (3 nhà))	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	7153393				833	1	2.000
VII	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI						45.000	1	5.000
	<i>Công trình Thiết kế BVTC-TDT</i>						45.000	1	5.000
75	Mở rộng Trung tâm Giáo dục Lao động - Tạo việc làm tỉnh Bình Dương	Sở Lao động Thương binh và Xã hội					45.000	1	5.000
VIII	CÁC KHOẢN CHI KHÁC THEO QUY ĐỊNH						10.980	1	102
	<i>Công trình quyết toán</i>						10.980	1	102
76	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư liên kế-phường Định Hòa	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7390136	584/QĐ-UBND	12/3/13	39.402	10.980	1	102
IX.1	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QLNN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ						64.070	4	16.549
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						24.100	2	16.000
77	Xây dựng hệ thống thông tin địa lý và các phần mềm chuyên ngành xây dựng giai đoạn 2	Sở Xây dựng	7644033	1045/QĐ-UBND	31/10/2017	18.549	17.700	1	14.600
78	Xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp tỉnh Bình Dương	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7641445	2876/QĐ-UBND	19/10/2017	14.938	6.400	1	1.400
	<i>Công trình quyết toán</i>						39.970	2	549
79	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương	Sở Tài nguyên và Môi trường	7013105	284/QĐ-UBND	2/8/13	65.499	17.500	1	500
80	Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin Tòa nhà trung tâm hành chính	Sở Thông tin truyền thông	7600840	2936/QĐ-UBND	28/10/16	23.327	22.470	1	49
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - QPAN						1.315.038	16	392.000
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT						218.850	1	57.000
	<i>Công trình khởi công mới</i>						218.850	1	57.000
81	Trung tâm lưu trữ tập trung tỉnh	Ban QLDA tỉnh	7589964	1110/QĐ-UBND	27/04/2018	371.238	218.850	1	57.000

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
II	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (QUỐC PHÒNG)						195.250	5	109.100
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						195.250	5	109.100
82	Xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh thuộc Trường Quân sự địa phương	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	220160018	2923/QĐ-UBND	27/10/2016	159.816	125.000	1	65.000
83	Ứng dụng CNTT trong thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng của Lực lượng vũ trang tỉnh Bình Dương	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	220170007	862	03/04/2017	2.950	2.750	1	2.000
84	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Bàu Bàng	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	220160019	2917/QĐ-UBND	27/10/2016	34.963	31.250	1	10.200
85	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Bắc Tân Uyên	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	220170001	2916/QĐ-UBND	27/10/2016	34.995	31.250	1	18.900
86	Xây dựng cải tạo, sửa chữa các hạng mục công trình của căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật cơ bản khu vực phòng thủ	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	7004686	1440	04/06/2018	10.000	5.000	1	13.000
III	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (AN NINH)						503.438	7	192.000
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						503.438	7	192.000
87	Bờ kè chống sạt lở Trại tạm giam và Trung tâm Huấn luyện Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	7004692	06/QĐ-UBND	28/9/2018	14.241	1.000	1	7.900
88	Nhà làm việc chính Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	220160014	2811/QĐ-UBND	21/10/2016	279.000	252.977	1	80.000
89	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an Thị xã Bến Cát	Công an tỉnh	220160009	723a/QĐ-UBND	31/3/2016	34.324	34.324	1	7.700
90	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an Thành phố Thủ Dầu Một	Công an tỉnh	220160010	722a/QĐ-UBND	31/3/2016	46.687	46.687	1	14.900
91	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an Thị xã Thuận An	Công an tỉnh	220160007	724a/QĐ-UBND	31/3/2016	52.484	52.484	1	21.300
92	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an huyện Dầu Tiếng	Công an tỉnh	220160008	726a/QĐ-UBND	31/3/2016	37.032	37.032	1	10.200
93	Nhà khách công vụ công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	220130008	19/NQ-HDND	29/9/2015	79.014	78.934	1	50.000
IV	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY)						397.500	3	33.900
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						194.000	1	31.700
94	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác ứng cứu sự cố cháy nổ	Công an tỉnh	220160017	2970	31/10/2016	205.000	194.000	1	31.700
	<i>Công trình quyết toán</i>						203.500	2	2.200





STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
95	Xây dựng trụ sở các đội Cảnh sát PC&CC khu vực: Phường Bình Thuận, Thị xã Dĩ An; KCN VSIP 2 - xã Vĩnh Tân - Thị xã Tân Uyên; KCN Đất Cuốc - Xã Đất Cuốc - huyện Bắc Tân Uyên; Xã Phước Hoà - huyện Phú Giáo; Thị trấn Dầu Tiếng - huyện Dầu Tiếng	Công an tỉnh	220160001	711/QĐ-UBND	30/3/2016	74.976		69.500	1	1.000
96	Mua sắm thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho các đội cảnh sát phòng cháy và chữa cháy khu vực	Công an tỉnh	220160016	2971	31/10/2016	143.000		134.000	1	1.200



Phụ lục V-B

HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
NGUỒN VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT

(Kèm theo Báo cáo số 13/BC-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

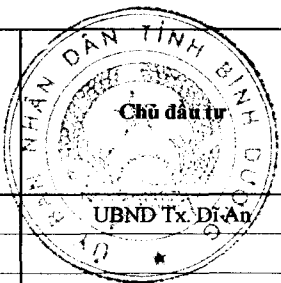
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			KH trung hạn 2016-2020 theo QĐ số 3649/QĐ-UBND	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
				Số	Ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
	TỔNG SỐ							3.814.282	95	1.405.000
A	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH						1.586.687	1.597.311	7	601.360
I	Khối tỉnh						1.576.687	1.204.898	4	431.310
I.2	THỰC HIỆN DỰ ÁN						1.576.687	1.204.898	4	431.310
	<i>Công trình khởi công mới</i>						46.000	44.700	1	48.000
1	Đầu tư Thiết bị khoa sản 300 giường Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7575166	1335/QĐ-UBND	24/4/2018	52.000	46.000	44.700	1	48.000
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						1.370.079	1.008.330	1	379.422
2	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường (Vốn XSKT)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7253179	2411/QĐ-UBND	03/10/13	2.318.639	1.370.079	1.008.330	1	379.422
	<i>Công trình quyết toán</i>						160.608	151.868	2	3.888
3	Bệnh viện chuyên khoa Tâm Thần tỉnh Bình Dương (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7002652	1141/QĐ-UBND	8/5/13	247.106	65.608	52.613	1	288
4	Khu điều trị 300 giường (Khoa sản) thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	7449966	2515/QĐ-UBND	9/10/14	142.622	95.000	99.255	1	3.600
II	Khối huyện thị						10.000	392.413	3	170.050
	THỊ XÃ TÂN UYÊN						10.000	225.514	1	100.000
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						10.000	225.514	1	100.000
5	Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Uyên quy mô 200 giường (định hướng 400 giường)	UBND Tx Tân Uyên	7415968	3794/QĐ-UBND	26/08/2015	386.583	10.000	225.514	1	100.000
	HUYỆN BÀU BÀNG						0	166.899	1	70.000
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						0	166.899	1	70.000
6	Trung tâm y tế huyện Bầu Bàng - quy mô 100 giường bệnh - Nguồn XSKT	UBND huyện Bầu Bàng	7584622	3693/QĐ-UBND	30/12/2016	241.000		166.899	1	70.000
	HUYỆN PHÚ GIÁO						0	0	1	50
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						0	0	1	50
7	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế huyện Phú Giáo (quy mô 120 giường bệnh)	UBND huyện Phú Giáo							1	50

STT	Danh mục	Hình đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			KH trung hạn 2016-2020 theo QĐ số 3649/QĐ-UBND	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
				Số	Ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
B	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ						#REF!	2.216.971	88	803.640
I	Khối tỉnh						16.000	1.000	1	2.000
	THỰC HIỆN DỰ ÁN						16.000	1.000	1	2.000
	Công trình lập TKBVTC-DT						16.000	1.000	1	2.000
8	Nâng cấp, mở rộng trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		3050/QĐ-UBND	30/10/2018	28.489	16.000	1.000	1	2.000
II.2	Khối huyện thị						#REF!	2.215.971	87	801.640
	TP.THỦ DẦU MỘT						327.200	351.240	13	96.000
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						0	600	7	2.000
9	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông Bình Phú	UBND TPTDM						200	1	500
10	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông An Mỹ	UBND TPTDM						200	1	500
11	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Hòa Phú	UBND TPTDM						200	1	500
12	Cải tạo nhà đa năng, đường nội bộ, phòng học cũ Trường trung học phổ thông Võ Minh Đức	UBND TPTDM						0	1	100
13	Xây dựng mới bổ sung nhà đa năng Trường trung học cơ sở Chánh Nghĩa	UBND TPTDM						0	1	100
14	Xây dựng mới bổ sung hội trường và nhà thi đấu thể dục thể thao Trường trung học phổ thông chuyên Hùng Vương	UBND TPTDM						0	1	100
15	Trường tiểu học Định Hòa 2	UBND TPTDM						0	1	200
	THỰC HIỆN DỰ ÁN						327.200	350.640	6	94.000
	Công trình khởi công mới						78.200	37.337	2	50.000
16	Trường Tiểu học Phú Lợi 2	UBND Tp. Thủ Dầu Một	7639923	2990	31/10/2017	139.340	78.000	33.641	1	30.000
17	Trường Trung học cơ sở Phú Hòa 2	UBND Tp. Thủ Dầu Một	7646496	2989	31/10/2017	157.382	200	3.696	1	20.000
	Công trình chuyển tiếp						73.000	89.961	1	38.000
18	Trường trung học cơ sở Trần Bình Trọng	UBND Tp. Thủ Dầu Một	7236203	4057	10/10/2014	91.450	73.000	89.961	1	38.000
	Công trình quyết toán						176.000	223.342	3	6.000
19	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Tp. Thủ Dầu Một	7463997	4538	23/10/14	89.414	67.000	83.922	1	2.000
20	Trường Tiểu học Chánh Nghĩa	UBND Tp. Thủ Dầu Một	7182264	2448	23/4/12	69.900	56.000	71.039	1	2.000
21	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	UBND Tp. Thủ Dầu Một	7470562	4539	23/10/14	70.579	53.000	68.381	1	2.000
	TX. THUẬN AN						451.044	431.930	10	173.200

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			KH trung hạn 2016-2020 theo QĐ số 3649/QĐ-UBND	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
				Số	Ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						0	400	2	2.000
22	Xây dựng trường TH Bình Chuẩn 2	UBND TX Thuận An						200	1	1.000
23	Xây dựng trường TH An Phú 3	UBND TX Thuận An						200	1	1.000
	THỰC HIỆN DỰ ÁN						451.044	431.530	8	171.200
	<i>Công trình khởi công mới</i>						<i>143.158</i>	<i>119.614</i>	<i>3</i>	<i>90.000</i>
24	Trường Trung học phổ thông Lý Thái Tổ	UBND Tx. Thuận An		3048	30/10/2018	152.201		1.000	1	30.000
25	Trường Tiểu học An Thạnh	UBND Tx. Thuận An	7646495	2632	21/9/2018	92.612	60.753	55.100	1	30.000
26	Trường Trung học cơ sở Bình Chuẩn	UBND Tx. Thuận An		3060	31/10/2018	99.500	82.405	63.514	1	30.000
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						<i>229.000</i>	<i>225.731</i>	<i>3</i>	<i>79.000</i>
27	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực	UBND Tx. Thuận An	7256457	2448	10/8/13	142.118	105.000	97.901	1	18.000
28	Trường Tiểu học Tuy An	UBND Tx. Thuận An	7398341	1137	05/5/2017	87.830	79.000	82.830	1	34.000
29	Mở rộng trường Trung học cơ sở Nguyễn Thái Bình	UBND Tx. Thuận An	7609001	2504	19/9/2017	49.878	45.000	45.000	1	27.000
	<i>Công trình thanh toán khối lượng</i>						<i>26.000</i>	<i>32.085</i>	<i>1</i>	<i>2.000</i>
30	Mở rộng trường Trung học cơ sở Trịnh Hoài Đức	UBND Tx. Thuận An	7559130	2980	31/10/16	33.412	26.000	32.085	1	2.000
	<i>Công trình quyết toán</i>						<i>52.886</i>	<i>54.100</i>	<i>1</i>	<i>200</i>
31	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản 2	UBND Tx. Thuận An	7398339	2201	9/10/13	84.682	52.886	54.100	1	200
	TX. DĨ AN						371.650	283.906	13	135.650
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						0	2.000	4	400
32	Trường THCS Tân Đông Hiệp B	UBND thị xã Dĩ An						1.000	1	100
33	Trường MG Hoa Hồng 3	UBND thị xã Dĩ An							1	100
34	Cải tạo nâng cấp mở rộng trường TH Tân Bình B	UBND thị xã Dĩ An							1	100
35	Trường TH Châu Thới	UBND thị xã Dĩ An						1.000	1	100
	THỰC HIỆN DỰ ÁN						371.650	281.906	9	135.250
	<i>Công trình khởi công mới</i>						<i>230.670</i>	<i>161.687</i>	<i>6</i>	<i>107.000</i>
36	Mở rộng trường Trung học cơ sở Đông Hòa	UBND Tx. Dĩ An	7009473	2722	10/10/2017	52.800	43.300	32.231	1	13.000
37	Trường trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Tx. Dĩ An	7643805	2956	26/10/2017	118.000	470	23.378	1	29.000
38	Trường Tiểu học Nhị Đồng 2	UBND Tx. Dĩ An	7643798	2897	24/10/2017	82.000	10.300	16.078	1	15.000
39	Trường Tiểu học Tân Đông Hiệp C	UBND Tx. Dĩ An	7644840	3049	31/10/2017	84.200	67.300	30.000	1	16.000
40	Trường Tiểu học Đông Hòa C	UBND Tx. Dĩ An		3047	31/10/2017	91.476	46.300	40.000	1	20.000

STT	Danh mục	UBND Tx. Dĩ An	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			KH trung hạn 2016-2020 theo QĐ số 3649/QĐ-UBND	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
				Số	Ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
41	Trường mầm non Đông Hòa	UBND Tx. Dĩ An		3048	31/10/17	74.945	63.000	20.000	1	14.000
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						140.980	120.219	3	28.250
42	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Dĩ An B	UBND Tx. Dĩ An	7601956	2975/QĐ-UBND	31/10/16	53.922	43.300	48.530	1	13.350
43	Trường Trung học cơ sở Dĩ An - Giai đoạn 2	UBND Tx. Dĩ An	7601959	2978/QĐ-UBND	31/10/16	26.098	21.220	22.797	1	5.600
44	Trường Trung học cơ sở Đông Chiêu	UBND Tx. Dĩ An	7501251	2940/QĐ-UBND	28/10/16	95.999	76.460	48.892	1	9.300
	TX. BẾN CÁT						194.500	206.502	8	66.690
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						0	1.400	4	1.100
45	Trường Tiểu học Hòa Lợi	UBND Tx. Bến Cát					0	1.000	1	500
46	Xây dựng, bổ sung khối phòng học Trường THPT Bến Cát.	UBND Tx. Bến Cát						200	1	200
47	Trường THCS Hòa Lợi.	UBND Tx. Bến Cát						200	1	200
48	Trường THCS Mỹ Thạnh.	UBND Tx. Bến Cát							1	200
	THỰC HIỆN DỰ ÁN						194.500	205.102	4	65.590
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						194.500	205.102	4	65.590
49	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	UBND Tx. Bến Cát	7584564	2939/QĐ-UBND	28/10/16	81.902	66.000	66.000	1	27.110
50	Trường Trung học cơ sở An Điền (giai đoạn 1)	UBND Tx. Bến Cát	7581568	2943/QĐ-UBND	28/10/16	41.052	36.000	38.000	1	6.480
51	Trường tiểu học Định Phước	UBND Tx. Bến Cát	7355580	2711/QĐ-UBND	06/10/2017	86.400	61.000	75.000	1	18.000
52	Trường tiểu học An Tây B (giai đoạn 1)	UBND Tx. Bến Cát	7626151	3010/QĐ-UBND	31/10/2017	80.800	31.500	26.102	1	14.000
	TX. TÂN UYÊN						261.216	357.051	14	92.800
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						0	600	5	900
53	Trường THCS Vĩnh Tân	UBND TX Tân Uyên						200	1	200
54	Trường mầm non Thạnh Phước	UBND TX Tân Uyên						200	1	200
55	Cải tạo nâng cấp mở rộng trường THPT Tân Phước Khánh	UBND TX Tân Uyên						200	1	100
56	Trường TH Khánh Bình	UBND TX Tân Uyên							1	200
57	Trường TH Tân Phước Khánh B	UBND TX Tân Uyên							1	200



STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			KH trung hạn 2016-2020 theo QĐ số 3649/QĐ-UBND	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
				Số	Ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
	THỰC HIỆN DỰ ÁN						261.216	356.451	9	91.900
	<i>Công trình lập TKBVTC-DT</i>						<i>0</i>	<i>1.000</i>	<i>1</i>	<i>1.250</i>
58	Trường trung học phổ thông Thái Hòa	UBND Tx. Tân Uyên	7302427	3047	30/10/2018	213.349		1.000	1	1.250
	<i>Công trình khởi công mới</i>						<i>16.000</i>	<i>5.527</i>	<i>1</i>	<i>19.200</i>
59	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	UBND Tx. Tân Uyên	7473593	2983	31/10/16	47.318	16.000	5.527	1	19.200
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						<i>59.916</i>	<i>126.499</i>	<i>3</i>	<i>61.450</i>
60	Trường Trung học cơ sở Tân Hiệp	UBND Tx. Tân Uyên	7415964	3442	31/12/13	82.683	19.900	21.200	1	22.000
61	Trường Tiểu học Thái Hòa B	UBND Tx. Tân Uyên	7415970	3443	31/12/13	84.738	20.116	48.324	1	19.450
62	Trường Trung học cơ sở Khánh Bình	UBND Tx. Tân Uyên	7463007	7500	23/12/2014	88.091	19.900	56.975	1	20.000
	<i>Công trình quyết toán</i>						<i>185.300</i>	<i>223.425</i>	<i>4</i>	<i>10.000</i>
63	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Quốc Phú	UBND Tx. Tân Uyên	7251484	2473	10/9/12	52.757	33.300	34.200	1	500
64	Trường Tiểu học Hội Nghĩa	UBND Tx. Tân Uyên	7251471	3489	31/12/13	82.011	61.200	61.200	1	2.500
65	Trường Trung học cơ sở Phú Chánh	UBND Tx. Tân Uyên	7365423	3205	11/12/13	98.242	43.800	63.825	1	2.000
66	Trường Mầm non Thạnh Hội	UBND Tx. Tân Uyên	7445707	1006	17/3/15	77.321	47.000	64.200	1	5.000
	HUYỆN DẦU TIẾNG						94.533	149.304	6	55.000
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						0	0	2	400
67	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Long Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng							1	200
68	Xây dựng nhà tập đa năng Trường Trung học phổ thông Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng							1	200
	THỰC HIỆN DỰ ÁN						94.533	149.304	4	54.600
	<i>Công trình khởi công mới</i>						<i>18.000</i>	<i>56.254</i>	<i>2</i>	<i>47.160</i>
69	Trường Trung học cơ sở An Lập (giai đoạn 1)	UBND huyện Dầu Tiếng	7411208	2505/QĐ-UBND	19/09/2017	80.491	18.000	41.000	1	31.900
70	Trường trung học cơ sở Minh Tân (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	7358089	2682/QĐ-UBND	25/10/2013	75.532		15.254	1	15.260
	<i>Công trình quyết toán</i>						<i>76.533</i>	<i>93.050</i>	<i>2</i>	<i>7.440</i>
71	Trường tiểu học An Lập (giai đoạn 1)	UBND huyện Dầu Tiếng	7253019	449	25/7/14	78.441	41.059	42.340	1	2.850
72	Trường trung học cơ sở Minh Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng	7253018	3059	28/11/13	69.584	35.474	50.710	1	4.590
	HUYỆN PHÚ GIÁO						73.000	97.340	7	70.000

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			KH trung hạn 2016-2020 theo QĐ số 3649/QĐ-UBND	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
				Số	Ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						0	0	3	700
73	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung cấp kỹ thuật Phú Giáo thành Trường THCS Nguyễn Trãi	UBND huyện Phú Giáo							1	300
74	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông Phước Hòa	UBND huyện Phú Giáo							1	200
75	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Vĩnh Hòa	UBND huyện Phú Giáo							1	200
	THỰC HIỆN DỰ ÁN						73.000	97.340	4	69.300
	<i>Công trình khởi công mới</i>						2.000	500	1	35.500
76	Trường tiểu học An Thái (giai đoạn 2)	UBND huyện Phú Giáo	7367830	3688	30/12/2016	50.672	2.000	500	1	35.500
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						51.600	77.440	2	32.300
77	Trường Tiểu học Phước Vĩnh B	UBND huyện Phú Giáo	7367834	2982	31/10/2016	75.921	49.600	57.440	1	12.000
78	Trường tiểu học An Linh	UBND huyện Phú Giáo	7247267	671	17/3/2017	43.816	2.000	20.000	1	20.300
	<i>Công trình quyết toán</i>						19.400	19.400	1	1.500
79	Trường tiểu học Phước Sang	UBND huyện Phú Giáo	7367832	792 281	19.10.12 09.2.17	25.502	19.400	19.400	1	1.500
	HUYỆN BÀU BÀNG						#REF!	148.000	7	27.300
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						0	1.000	5	4.300
80	Trường mầm non Tân Hưng	UBND huyện Bầu Bàng							1	100
81	Trường mầm non Hưng Hòa	UBND huyện Bầu Bàng							1	100
82	Trường Trung học cơ sở Lai Uyên	UBND huyện Bầu Bàng							1	100
83	Trường tiểu học Trừ Văn Thố	UBND huyện Bầu Bàng					0	500	1	2.000
84	Trường trung học cơ sở Cây Trường	UBND huyện Bầu Bàng					0	500	1	2.000
	THỰC HIỆN DỰ ÁN						#REF!	147.000	2	23.000
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						134.624	147.000	2	23.000
85	Trường Tiểu học Bầu Bàng	UBND huyện Bầu Bàng	7611323	2981	31/10/16	87.972	70.000	79.000	1	10.000
86	Trường trung học cơ sở Trừ Văn Thố	UBND huyện Bầu Bàng	7471187	2973	42.674	75.800	64.624	68.000	1	13.000
	HUYỆN BẮC TÂN UYÊN						184.082	190.698	9	85.000
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						0	400	5	2.500

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			KH trung hạn 2016-2020 theo QĐ số 3649/QĐ-UBND	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
				Số	Ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
87	Trường Mầm non Sơn Ca	UBND huyện Bắc Tân Uyên						200	1	500
88	Trường THPT Tân Bình	UBND huyện Bắc Tân Uyên						200	1	500
89	Trường mầm non Hoa Cúc (Xây dựng bổ sung 6 phòng học)	UBND huyện Bắc Tân Uyên							1	500
90	Trường tiểu học Đất Cuốc (Xây dựng bổ sung 9 phòng học)	UBND huyện Bắc Tân Uyên							1	500
91	Trường Trung học cơ sở Tân Mỹ giai đoạn 2	UBND huyện Bắc Tân Uyên							1	500
	THỰC HIỆN DỰ ÁN						184.082	190.298	4	82.500
	<i>Công trình lập TKBVTC-DT</i>						<i>0</i>	<i>10.216</i>	<i>1</i>	<i>1.500</i>
92	Trường trung học phổ thông Lê Lợi	UBND huyện Bắc Tân Uyên	7699430	3015	26/10/2018	99.999		10.216	1	1.500
	<i>Công trình khởi công mới</i>						<i>107.000</i>	<i>103.000</i>	<i>2</i>	<i>74.000</i>
93	Trường Mầm non Hoa Phong Lan	UBND huyện Bắc Tân Uyên	7386400	2710	06/10/2017	69.139	62.000	62.000	1	39.500
94	Trường Mầm non Tân Mỹ	UBND huyện Bắc Tân Uyên	7386405	3014	31/10/2017	55.981	45.000	41.000	1	34.500
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						<i>77.082</i>	<i>77.082</i>	<i>1</i>	<i>7.000</i>
95	Trường Tiểu học Tân Thành	UBND huyện Bắc Tân Uyên	7251397	3488	31/12/13	86.452	77.082	77.082	1	7.000



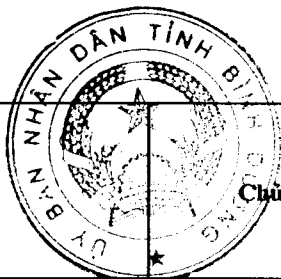
Phụ lục VI-B

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
CỦA VON TỈNH HỖ TRỢ CHO CẤP HUYỆN

(Kèm theo Báo cáo số 13/BC-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
	VON TỈNH HỖ TRỢ CHO CẤP HUYỆN						2.402.336	62	557.000
I	Thành phố Thủ Dầu Một						912.625	16	180.000
I.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)						808.206	14	163.072
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>						<i>97.732</i>	<i>6</i>	<i>6.070</i>
1	Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX 144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp.Thủ Dầu Một					95.532	1	4.170
2	Mở rộng đường đê bao rạch Bà Cỏ (theo quy hoạch phân khu là đường N8)	UBND Tp.Thủ Dầu Một					500	1	500
3	Mở rộng đường tạo lực 6 nối dài (Đại lộ Bình Dương đến nút giao Phan Đăng Lưu và Huỳnh Thị Châu)	UBND Tp.Thủ Dầu Một					500	1	500
4	Xây dựng đường N8-N10 (đầu tuyến giáp đường 30/4 cuối tuyến giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai)	UBND Tp.Thủ Dầu Một					500	1	500
5	Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến đường Đồng Cây Viêt (đường Liên ấp 1-5), phường Phú Mỹ	UBND Tp.Thủ Dầu Một					200	1	200
6	Đường trục chính Đông Tây	UBND Tp.Thủ Dầu Một					500	1	200
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						<i>570.604</i>	<i>3</i>	<i>144.502</i>
7	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ cầu Thổ Ngũ đến cầu Thầy Năng), phường Chánh Nghĩa	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7019009	1.436	23/06/2014	242.132	112.386	1	26.308
8	Đường Trần Văn Ôn	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7282859	3.589	18/11/2011	130.670	215.215	1	80.000
9	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Ngọc Lên (từ ĐLBD đến đường Huỳnh Văn Lũy)	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7282855	3.755	30/12/2016	384.919	243.003	1	38.194
	<i>Thanh toán khối lượng</i>						<i>139.870</i>	<i>5</i>	<i>12.500</i>
10	Đường Lê Chí Dân, phường Hiệp An	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7017278	109	14/01/2010	221.335	85.218	1	1.000
11	Đường Hoàng Hoa Thám II	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7018809	5.352	09/08/2011	148.017	4.030	1	500



STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
12	Mở rộng vỉa hè đường Bạch Đằng (đoạn từ ngã ba đường Ngô Quyền đến đường Định Bộ Lĩnh)	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7245564	1.632	03/06/2011	63.605	14.797	1	500
13	Đường Hoàng Hoa Thám (ngã tư thành đội) đến Huỳnh Văn Lũy, phường Phú Lợi	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7018818	1.280	08/04/2015	44.950	3.240	1	500
14	Đường Trần Ngọc Lên - ĐL Bình Dương - đường Bùi Ngọc Thu (Đường tổ 7 ấp 1, phường Định Hòa)	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7019366	1.750	17/07/2013	108.873	32.585	1	10.000
I.2	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI						29.252	1	1.928
	<i>Thanh toán khối lượng</i>						<i>29.252</i>	<i>1</i>	<i>1.928</i>
15	Nhà tang lễ thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7451851	4.540	23/10/2014	29.983	29.252	1	1.928
I.3	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI						75.167	1	15.000
	<i>Thanh toán khối lượng</i>						<i>75.167</i>	<i>1</i>	<i>15.000</i>
16	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự Tp.TDM	UBND Tp.Thủ Dầu Một	7445190	2.638	23/10/2014	104.524	75.167	1	15.000
II	Thị xã Thuận An						218.735	6	64.200
II.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)						500	1	500
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>						<i>500</i>	<i>1</i>	<i>500</i>
17	Cải tạo, nâng cấp đường Bùi Thị Xuân (đoạn từ đường Mỹ Phước - Tân Vạn đến ranh Thái Hòa - Tân Uyên)	UBND Tx. Thuận An					500	1	500
II.2	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ						218.235	5	63.700
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>						<i>500</i>	<i>1</i>	<i>500</i>
18	Trường Tiểu học Vĩnh Phú	UBND Tx. Thuận An					500	1	500
	<i>Khởi công mới</i>						<i>7.118</i>	<i>1</i>	<i>3.000</i>
19	Trường TH Lê Thị Trung	UBND Tx. Thuận An	7648765				7.118	1	3.000
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						<i>137.690</i>	<i>2</i>	<i>58.200</i>
20	Trường THPT Trịnh Hoài Đức (cải tạo, nâng cấp, mở rộng phục vụ đề án trường THPT tỉnh Bình Dương Trịnh Hoài Đức chất lượng cao)	UBND Tx. Thuận An	7637537	3.041	43.039	77.210	70.562	1	32.000
21	Trường mầm non Hoa Mai 3	UBND Tx. Thuận An	7609000	3.046	43.039	67.568	67.128	1	26.200
	<i>Thanh toán khối lượng</i>						<i>72.927</i>	<i>1</i>	<i>2.000</i>

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
22	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	UBND Tx. Thuận An	7398343	6.599	14/11/2014	81.412	72.927	1	2.000
III	Thị xã Dĩ An						188.971	2	50.000
III.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)						74.523	1	22.000
	<i>Công trình khởi công mới</i>						74.523	1	22.000
23	Nâng cấp, mở rộng đường Chiêu Liêu	UBND Tx. Dĩ An	763037	1525	13/06/2017	100.401	74.523	1	22.000
III.2	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN						114.448	1	28.000
	<i>Thanh toán khối lượng</i>						114.448	1	28.000
24	Khu di tích Cách mạng & sinh thái Hồ lang - giai đoạn 1	UBND Tx. Dĩ An	7301465	289	20/01/2015	226.889	114.448	1	28.000
IV	Thị xã Tân Uyên						213.780	8	55.000
IV.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)						189.980	6	52.000
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>						2.480	3	1.200
25	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 409 (đoạn từ ĐT747B đến cầu Vĩnh Lợi)	UBND Tx. Tân Uyên					1.000	1	500
26	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 402, phường Tân Phước Khánh	UBND Tx. Tân Uyên					1.000	1	500
27	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH423 (đoạn từ ngã tư nhà thờ đến ngã tư đường ĐH409)	UBND Tx. Tân Uyên					480	1	200
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						187.500	3	50.800
28	Nâng cấp mặt đường ĐH 406 (đoạn từ cây xăng An Lộc đến ngã tư Xã Cũ), phường Khánh Bình	UBND Tx. Tân Uyên	7599490	2.901	27/10/2016	79.984	79.984	1	17.800
29	Nâng cấp mặt đường ĐH 406 (đoạn từ ngã tư Xã Cũ đến cầu Khánh Vân), phường Khánh Bình	UBND Tx. Tân Uyên	7599487	2.902	27/10/2016	78.434	78.434	1	16.000
30	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 423 (đoạn từ ngã tư đường ĐH 409 đến giáp đường ĐT 747A)	UBND Tx. Tân Uyên	7599497	2.903	27/10/2016	79.147	29.082	1	17.000
IV.2	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (CÔNG NGHIỆP)						23.800	2	3.000
	<i>Công trình thanh toán khối lượng</i>						23.800	2	3.000
31	Nâng số hộ sử dụng điện trên địa bàn thị xã Tân Uyên các xã – phường: Thạnh Hội, Bạch Đằng, Phú Chánh, Vĩnh Tân, Tân Hiệp	UBND Tx. Tân Uyên	7234468	2782	28/3/2014	43.951	11.800	1	1.500

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
32	Nâng số hộ sử dụng điện trên địa bàn thị xã Tân Uyên các xã - phường Khánh Bình, Tân Vĩnh Hiệp, Uyên Hưng, Tân Phước Khánh, Thái Hòa	UBND Tx. Tân Uyên	7237130	2783	28/3/2014	40.981	12.000	1	1.500
V	Huyện Bắc Tân Uyên						171.630	3	55.000
V.1	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH						133.530	1	30.900
	<i>Công trình khởi công mới</i>						<i>133.530</i>	<i>1</i>	<i>30.900</i>
33	Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên qui mô 100 giường bệnh - Giai đoạn I: 60 giường	UBND huyện Bắc Tân Uyên	7616711	2.896	24/10/2017	236.300	133.530	1	30.900
V.2	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ						100	1	100
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>						<i>100</i>	<i>1</i>	<i>100</i>
34	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	7699430				100	1	100
V.3	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN						38.000	1	24.000
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						<i>38.000</i>	<i>1</i>	<i>24.000</i>
35	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	7616712	1.556	15/6/2017	39.922	38.000	1	24.000
VI	Thị xã Bến Cát						214.269	6	45.000
VI.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)						170.769	2	29.600
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						<i>131.405</i>	<i>1</i>	<i>28.600</i>
36	Nâng cấp, mở rộng đường từ Kho bạc Bến Cát đến Cầu Quan	UBND Tx. Bến Cát	7628900	3044	31/10/2017	142.992	131.405	1	28.600
	<i>Công trình quyết toán</i>						<i>39.364</i>	<i>1</i>	<i>1.000</i>
37	Đường gò Cào Cào	UBND Tx. Bến Cát	7508607	2988	31/10/2016	39.997	39.364	1	1.000
VI.2	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (NÔNG NGHIỆP-PTNT)						500	1	300
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>						<i>500</i>	<i>1</i>	<i>300</i>
38	Khai thông uốn nắn dòng chảy đoạn hạ lưu rạch Cầu Quan đến sông Thị Tính	UBND Tx. Bến Cát					500	1	300
VI.3	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN						43.000	3	15.100
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>						<i>1.000</i>	<i>2</i>	<i>500</i>
39	Giải tỏa, bồi thường Công trình xây dựng Công viên dọc sông Thị Tính (đoạn qua chợ Bến Cát)	UBND Tx. Bến Cát					500	1	300
40	Xây dựng công viên Phú Thứ xã Phú An	UBND Tx. Bến Cát					500	1	200
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						<i>42.000</i>	<i>1</i>	<i>14.600</i>

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
41	Xây dựng tượng đài thị xã Bến Cát	UBND thị xã Bến Cát	7625206	3043	31/10/2017	40.000	42.000	1	14.600
VII	Huyện Bàu Bàng						148.391	9	42.200
VII.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)						103.561	8	17.200
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>						46.798	2	1.000
42	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 610 xã Long Nguyên	UBND huyện Bàu Bàng					46.298	1	500
43	Nâng cấp mở rộng đường ĐH 618	UBND huyện Bàu Bàng					500	1	500
	<i>Công trình khởi công mới</i>						12.600	1	10.000
44	Bê tông nhựa đường từ nhà Ông Bảy Hộ đến nhà Bà Suối xã Lai Hưng	UBND huyện Bàu Bàng					12.600	1	10.000
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						44.163	5	6.200
45	Xây dựng mới Cầu Ông Chày xã Cây Trường II, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	UBND huyện Bàu Bàng	7628903	2.978	30/10/2017	10.805	7.000	1	1.500
46	Bê tông nhựa đường ấp Hồ Muôn xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	UBND huyện Bàu Bàng	7628906	2.979	30/10/2017	9.386	9.000	1	1.500
47	Bê tông nhựa đường ấp Bà Phái xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	UBND huyện Bàu Bàng	7628905	2.981	30/10/2017	14.881	13.063	1	1.200
48	Bê tông nhựa đường ấp Long Hưng xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	UBND huyện Bàu Bàng	7628908	2.980	30/10/2017	9.386	8.600	1	1.000
49	Bê tông nhựa đường từ chợ Tuấn Tâm đi đường mòn Hồ Chí Minh, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	UBND huyện Bàu Bàng	7628909	2.977	30/10/2017	6.684	6.500	1	1.000
VII.2	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN						44.830	1	25.000
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>						44.830	1	25.000
50	Trung tâm văn hóa - thể thao huyện	UBND huyện Bàu Bàng	7624848	2.220	18/8/2017	44.830	44.830	1	25.000
VIII	Huyện Phú Giáo						157.099	8	40.000
VIII.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)						157.099	8	40.000
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>						4.992	5	250
51	Nâng cấp Đường ĐH 515	UBND huyện Phú Giáo					1.000	1	50
52	Nâng cấp mở rộng đường ĐH 507 (từ đường ĐT 741 đi trại giam An Phước)	UBND huyện Phú Giáo					1.992	1	50



STT	Danh mục	Mã số dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Số dự án	Kế hoạch năm 2019
53	Nâng cấp đường Công Triết	UBND huyện Phú Giáo					1.000	1	50
54	Đầu tư xây dựng đường Trần Hưng Đạo nối dài	UBND huyện Phú Giáo					500	1	50
55	Đầu tư xây dựng đường Trần Quang Diệu nối dài	UBND huyện Phú Giáo					500	1	50
	Công trình chuyển tiếp						152.107	3	39.750
56	Đường ĐH 512 (Đường Kiểm)	UBND huyện Phú Giáo	7003264	1571	19/6/2017	57899	57.907	1	15.000
57	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 519	UBND huyện Phú Giáo	7622325	2582	28/9/2017	67788	51.382	1	14.750
58	Đầu tư nâng cấp đường 19/5	UBND huyện Phú Giáo	7504083	849	31/12/2014	49.868	42.818	1	10.000
IX	Huyện Dầu Tiếng						176.836	4	25.600
IX.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)						176.836	4	25.600
	Chuẩn bị đầu tư						21.986	1	400
59	Nâng cấp nhựa đường ĐH 721 (từ ĐT 749a đến ĐT 750)	UBND huyện Dầu Tiếng					21.986	1	400
	Công trình khởi công mới						21.986	1	21.600
60	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 704 từ Thanh An, Định Hiệp đến Minh Hòa giai đoạn 2 (đoạn qua xã Định An)	UBND huyện Dầu Tiếng	7698761				21.986	1	21.600
	Công trình chuyển tiếp						132.864	2	3.600
61	Mở rộng đường từ trước Huyện uỷ - UBND huyện đến đường Cách mạng tháng 8	UBND huyện Dầu Tiếng	7543882	2.944	28/10/2016	71.980	78.764	1	1.000
62	Nâng cấp nhựa đường ĐH 722 (từ ĐT 749b đến ngã ba Cắm Xe) huyện Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	7560189	2.946	28/10/2016	71.419	54.100	1	2.600

PHỤ LỤC VII-B
DANH MỤC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2019
(KHÔNG NẪM TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020)

(Kèm theo Báo cáo số 279/BC-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Dự kiến Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
	Tổng cộng		12.645	
I	13	Vốn ngân sách tỉnh tập trung	8.795	
1	Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Văn Mên (Hương lộ 9) từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến cảng An Sơn, thị xã Thuận An	UBND Tx Thuận An	500	UBND tỉnh có Văn bản số 4111/UBND-KTTH ngày 31/8/2018 về việc đầu tư nâng cấp mở rộng đường Hồ Văn Mên (Hương lộ 9) từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến cảng An Sơn
2	Xây dựng tuyến đường kết nối tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1.945	UBND tỉnh có Văn bản số 3363/UBND-KTTH ngày 23/7/2018 về việc đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh
3	Xây dựng đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1.100	UBND tỉnh có văn bản số 4768/UBND-KTTH ngày 08/10/2018 về việc đầu tư xây dựng đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng (chủ đầu tư đang lập dự toán chuẩn bị đầu tư)
4	Dự án giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bung Biệp - Suối Cát, thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp. Thủ Dầu Một	500	UBND tỉnh có VB số 5070/UBND-KTTH ngày 24/10/2018 tách dự án (chủ đầu tư đang lập dự toán chuẩn bị đầu tư)
5	Dự án giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bung Biệp - Suối Cát, thị xã Thuận An	UBND thị xã Thuận An	500	UBND tỉnh có VB số 5070/UBND-KTTH ngày 24/10/2018 tách dự án (chủ đầu tư đang lập dự toán chuẩn bị đầu tư)
6	Xây dựng tường kè gia cố bờ sông Sài Gòn (đoạn từ cầu Thở Ngựa đến rạch Bảy Tra) tại phường Chánh Nghĩa, Tp Thủ Dầu Một	UBND Tp Thủ Dầu Một	500	UBND tỉnh có Văn bản số 4917/UBND-KTTH ngày 16/10/2018 về việc đầu tư xây dựng tường kè gia cố bờ sông Sài Gòn (đoạn từ cầu Thở Ngựa đến rạch Bảy Tra)
7	Dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực Bến Cát	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	1.000	UBND tỉnh có Tờ trình số 3036/TTr-UBND ngày 06/07/2018 gửi Bộ KHĐT về việc thẩm định, phê duyệt báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư
8	Dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực phường Uyên Hưng và phường Tân Phước Khánh, tỉnh Bình Dương	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	1.000	UBND tỉnh có văn bản số 4179/CT-UBND ngày 06/09/2018 đề xuất dự án với Chính phủ Phần Lan
9	Cải tạo tầng P1 và hệ thống chữa cháy tại Tòa nhà Trung tâm Hành chính	Sở Nội vụ	500	UBND tỉnh có văn bản số 4202/UBND-KTN ngày 22/9/2017 thông nhất cải tạo tầng P1 thành kho lưu trữ và trang bị hệ thống chữa cháy bằng khí
10	Xây dựng đường nội bộ tiểu đoàn 2 - Trung đoàn cảnh sát cơ động 25, xã Phú An	UBND Tx. Bến Cát	200	UBND tỉnh có văn bản số 3691/UBND-KTTH ngày 09/8/2018 về việc đầu tư xây dựng đường nội bộ tiểu đoàn 2 - Trung đoàn cảnh sát cơ động 25, xã Phú An
11	Xóa điện kế cũ, nâng hồ sử dụng điện trên địa bàn huyện Phú Giáo	UBND huyện Phú Giáo	50	UBND tỉnh có văn bản số 3792/UBND-KTTH ngày 11/10/2016 giao UBND huyện Phú Giáo lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư công trình
12	Xây dựng hoàn chỉnh khu vực văn hóa tưởng niệm Khu Di tích Chiến khu Long Nguyên	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	500	UBND tỉnh có QĐ 3612/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Di tích lịch sử Chiến khu Long Nguyên (Khu Căn cứ Tỉnh ủy) và Thông báo kết luận số 65/TB-UBND ngày 11/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh.
13	Tượng đài trung tâm Khu Di tích Chiến khu Long Nguyên	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	500	UBND tỉnh có văn bản số 2929/UBND-KTTH ngày 29/6/2018 về việc cập nhật, điều chỉnh danh mục các trường học ưu tiên đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2021-2025
II	20	Vốn xã số kiến thiết	3.850	
14	Cải tạo nhà đa năng, đường nội bộ, phòng học cũ trường THPT Võ Minh Đức	UBND Tp. Thủ Dầu Một	100	Khởi công mới trong giai đoạn 2018-2020
15	Xây dựng mới bổ sung nhà đa năng Trường THCS Chánh Nghĩa	UBND Tp. Thủ Dầu Một	100	Khởi công mới trong giai đoạn 2018-2020
16	Trường Tiểu học Định Hòa 2	UBND Tp. Thủ Dầu Một	200	Chuẩn bị đầu tư 2018-2020, khởi công sau 2020
17	Xây mới bổ sung Hội trường và nhà thi đấu Thể dục thể thao trường THPT chuyên Hùng Vương	UBND Tp. Thủ Dầu Một	100	Chuẩn bị đầu tư 2018-2020, khởi công sau 2020
18	Cải tạo nâng cấp mở rộng Trường tiểu học Tân Bình B	UBND Tx. Dĩ An	100	Chuẩn bị đầu tư 2018-2020, khởi công sau 2020
19	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng 3	UBND Tx. Dĩ An	100	Chuẩn bị đầu tư 2018-2020, khởi công sau 2020

STT	Số dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Dự kiến Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
20	1	Trường THCS Mỹ Thạnh	UBND Tx. Bến Cát	200	Chuẩn bị đầu tư 2018-2020, khởi công sau 2020
21	1	Trường mầm non Thanh Phước	UBND Tx. Tân Uyên	200	Khởi công mới trong giai đoạn 2018-2020
22	1	Cải tạo nâng cấp mở rộng Trường THPT Tân Phước Khánh	UBND Tx. Tân Uyên	100	Khởi công mới trong giai đoạn 2018-2020
23	1	Trường THCS Lai Uyên	UBND huyện Bàu Bàng	100	Chuẩn bị đầu tư 2018-2020, khởi công sau 2020
24	1	Trường mầm non Hưng Hòa	UBND huyện Bàu Bàng	100	Chuẩn bị đầu tư 2018-2020, khởi công sau 2020
25	1	Trường mầm non Tân Hưng	UBND huyện Bàu Bàng	100	Chuẩn bị đầu tư 2018-2020, khởi công sau 2020
26	1	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THPT Phước Hòa	UBND huyện Phú Giáo	200	Khởi công mới trong giai đoạn 2018-2020
27	1	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THCS Vĩnh Hòa	UBND huyện Phú Giáo	200	Chuẩn bị đầu tư 2018-2020, khởi công sau 2020
28	1	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Long Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng	200	Khởi công mới trong giai đoạn 2018-2020
29	1	Xây dựng nhà tập đa năng Trường THPT Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	200	Chuẩn bị đầu tư 2018-2020, khởi công sau 2020
30	1	Trường MN Hoa Cúc (xây dựng mới bổ sung 6 phòng học)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	500	Khởi công mới trong giai đoạn 2018-2020
31	1	Trường tiểu học Đất Cuốc (xây dựng mới bổ sung 9 phòng học)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	500	Khởi công mới trong giai đoạn 2018-2020
32	1	Trường THCS Tân Mỹ (giai đoạn 2)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	500	Khởi công mới trong giai đoạn 2018-2020
33	1	Nâng cấp mở rộng Trung tâm Y tế huyện Phú Giáo (quy mô 120 giường bệnh)	UBND huyện Phú Giáo	50	UBND tỉnh có văn bản số 3409/UBND-VX ngày 01/10/2015 về việc tăng chỉ tiêu giường bệnh cho Trung tâm Y tế huyện Phú Giáo (thành 120 giường). Trung tâm y tế huyện Phú Giáo hiện hữu được xây dựng với quy mô 60 giường bệnh (Quyết định phê duyệt dự án số 1566/QĐ-CT ngày 08/02/2002 của UBND tỉnh)

Phụ lục VIII-B

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
DANH MỤC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM

(Kèm theo Báo cáo số ... /BC-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Nhu cầu Kế hoạch năm 2019	Số dự án	Dự kiến Kế hoạch năm 2019
	TỔNG CỘNG		8.226.603	3.728.621	38	2.967.649
	VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG		6.970.273	1.976.082	32	2.105.769
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		43.650	1.995	2	1.995
A	HẠ TẦNG KINH TẾ (A=I+II+III)		43.650	1.995	2	1.995
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		43.650	1.995	2	1.995
1	Đường vành đai Đông Bắc 2 - Đoạn từ trục chính Đông Tây (khu vực giữa khu dân cư Bình Nguyên và Trường Cao đẳng nghề Đồng An) đến giáp đường Mỹ Phước - Tân Vạn	UBND thị xã Dĩ An	40.650	500	1	500
2	Giải phóng mặt bằng đường Đất Cuộc đi Thới Hòa - An Điền (trùng tuyến đường Vành đai 4)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	3.000	1.495	1	1.495
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		6.926.623	1.974.087	30	2.103.774
A	HẠ TẦNG KINH TẾ (A=I+II+III+IV)		5.656.737	1.190.650	22	1.701.440
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		3.256.025	595.595	15	551.380
3	Đường trục chính Đông Tây - Đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp Quốc Lộ 1K	UBND thị xã Dĩ An	40.650	1.400	1	1.400
4	Đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài	UBND thị xã Dĩ An	35.000	11.040	1	11.040
5	Xây dựng đường Bắc Nam 3	UBND thị xã Dĩ An	66.000	15.770	1	15.770
6	Đường Bạch Đằng nối dài, Tp.Thủ Dầu Một	UBND Thành phố Thủ Dầu Một	400.000	82.165	1	82.165
7	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 1	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	186.925	800	1	800
8	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 2	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	164.600	47.500	1	47.500
9	Dự án đền bù đường Mỹ Phước - Tân Vạn	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	80.000	4.580	1	4.580
10	Giao lộ ngã tư Phú Thứ Bến Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	93.305	800	1	800
11	Xây dựng đường nối từ cầu Thới An đến ĐT748	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	52.935	200	1	200
12	Đường ĐT744 đoạn từ Km12+000 đến Km32+000	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	134.000	70.000	1	70.000
13	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa (ranh thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Công Xanh (giáp đường ĐT741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	144.000	56.340	1	56.340
14	Xây dựng đường từ ngã ba Mười Muộn đi ngã ba Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	418.000	40.000	1	40.000

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Nhu cầu Kế hoạch năm 2019	Số dự án	Dự kiến Kế hoạch năm 2019
15	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	345.610	20.000	1	20.000
16	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	830.000	200.000	1	200.000
17	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	265.000	45.000	1	785
II	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		2.400.712	595.055	7	1.150.060
18	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương	733.000	100.000	1	411.515
19	Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng	Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương	60.000	2.000	1	2.000
20	Trục thoát nước Suối Giữa, thành phố Thủ Dầu Một	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	85.310	2.795	1	2.795
21	Trục thoát nước Bung Biệp - Suối Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	421.445	108.860	1	187.350
22	Hệ thống thoát nước Dĩ An - KCN Tân Đông Hiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	202.000	200.000	1	200.000
22	Trục thoát nước Chòm Sao - Suối Đền	Sở Nông nghiệp và PTNT	400.000	31.400	1	31.400
23	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương	498.957	150.000	1	315.000
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI		1.269.886	783.437	8	402.334
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		736.425	545.107	4	200.000
24	Thiết bị Bệnh viện đa khoa 1500 giường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	369.374	350.000	1	5.000
25	Hạ tầng kỹ thuật tổng thể (thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	103.900	97.000	1	97.000
26	Các trục giao thông chính thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của Nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	211.650	97.107	1	97.000
27	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	51.501	1.000	1	1.000
II	SỰ NGHIỆP PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH		256.538	85.861	2	50.232
28	Đầu tư thiết bị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình Trường quay - Nhà bá âm	Đài Phát thanh truyền hình	138.200	85.629	1	50.000
29	Trường quay- nhà bá âm FM Đài phát thanh truyền hình Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	118.338	232	1	232
III	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN		265.943	152.367	1	152.000
30	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tưởng niệm chiến khu D	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	265.943	152.367	1	152.000
IV	CÁC KHOẢN CHI KHÁC THEO QUY ĐỊNH		10.980	102	1	102

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Nhu cầu Kế hoạch năm 2019	Số dự án	Dự kiến Kế hoạch năm 2019
31	Biện pháp kỹ thuật Khu tái định cư liên kế-phường Định Hòa	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	10.980	102	1	102
	VỐN XỔ SỐ KIẾN THIẾT		1.008.330	1.707.611	2	826.052
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		1.008.330	1.707.611	2	826.052
I	GIÁO DỤC		0	446.630	1	446.630
32	81 công trình trường học mầm non, phổ thông các cấp (không bao gồm danh mục xã hội hoá)-(nguồn vốn xổ số)			446.630	1	446.630
II	Y TẾ		1.008.330	1.260.981	1	379.422
33	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường (Vốn XSKT)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1.008.330	1.260.981	1	379.422
	VỐN TỈNH HỖ TRỢ CẤP HUYỆN		248.000	44.928	4	35.828
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		133.530	40.000	1	30.900
I	Y TẾ		133.530	40.000	1	30.900
34	Trung tâm y tế huyện Bắc Tân Uyên quy mô 100 giường; Giai đoạn 1: 60 giường	UBND huyện Bắc Tân Uyên	133.530	40.000	1	30.900
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		114.470	4.928	3	4.928
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		85.218	1.000	1	1.000
35	Đường Lê Chí Dân, phường Hiệp An	UBND Tp.Thủ Dầu Một	85.218	1.000	1	1.000
II	GIÁO DỤC		0	2.000	1	2.000
36	81 công trình trường học mầm non, phổ thông các cấp (không bao gồm danh mục xã hội hoá)-(nguồn vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện)			2.000	1	2.000
III	VĂN HÓA - THÔNG TIN		29.252	1.928	1	1.928
37	Nhà tang lễ thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp.Thủ Dầu Một	29.252	1.928	1	1.928

Phụ lục IX-B
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀN BÙ



/BC-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020	Nhu cầu Kế hoạch năm 2019	Số dự án	Dự kiến Kế hoạch năm 2019
	TỔNG CỘNG		2.252.366	823.143	14	871.428
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		11.000	4.410	6	4.410
A	HẠ TẦNG KINH TẾ (A=I+II)		11.000	4.410	6	4.410
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		11.000	3.410	4	3.410
1	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, cải tạo các nút giao lộ Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm giao cầu Phú Long đến nút giao ngã tư Hòa Lân)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	4.500	245	1	245
2	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT742 đoạn qua thành phố Thủ Dầu Một và thị xã Tân Uyên	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	3.000	1.570	1	1.570
3	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT747a đoạn từ Thái Hòa đến Uyên Hưng	UBND Tx Tân Uyên	500	100	1	100
4	Giải phóng mặt bằng đường Đất Cuốc đi Thới Hòa - An Điền (trùng tuyến đường Vành đai 4)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	3.000	1.495	1	1.495
II	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		0	1.000	2	1.000
5	Dự án giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bung Biệp - Suối Cát, thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp.Thủ Dầu Một		500	1	500
6	Dự án giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bung Biệp - Suối Cát, thị xã Thuận An	UBND thị xã Thuận An		500	1	500
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		2.241.366	818.733	8	867.018
A	HẠ TẦNG KINH TẾ (A=I+II)		2.189.865	817.580	6	865.865
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		2.187.865	689.580	5	737.865
7	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, dự án trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	667.255	420.000	1	512.500
8	Dự án đền bù đường Mỹ Phước - Tân Vạn	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	80.000	4.580	1	4.580
9	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	345.610	20.000	1	20.000
10	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	830.000	200.000	1	200.000
11	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	265.000	45.000	1	785
II	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		2.000	128.000	1	128.000
12	Đền bù mở rộng suối Lò Ô thuộc dự án Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	UBND Tx. Dĩ An	2.000	128.000	1	128.000
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI		51.501	1.153	2	1.153
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		51.501	1.153	2	1.153
13	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	51.501	1.000	1	1.000
14	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện chuyên khoa Tâm thần và bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Ban QLDA tỉnh		153	1	153